Một số cán bộ khu 7 chụp ảnh chung với cán bộ du kích người dân tộc thiểu số tại chiến khu Đ.

Ảnh tư liệu QK7

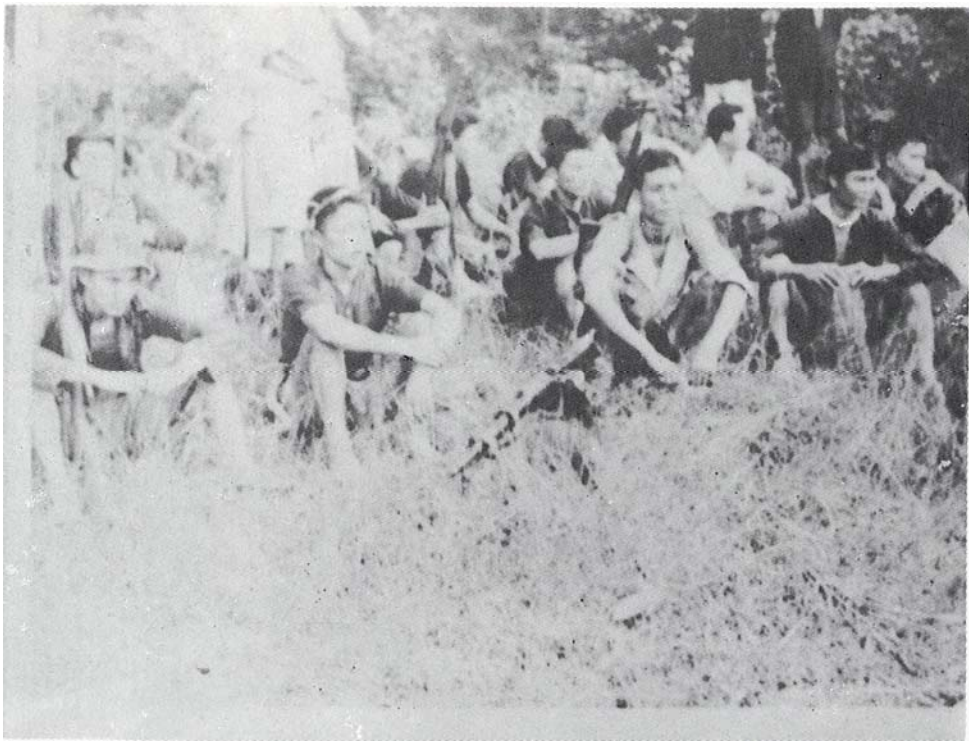

Bộ đội Chi đội 10 Biên Hòa, sau trận đánh xe lửa tại Bàu Cá ngày 14/07/1947

Ảnh tư liệu QK7

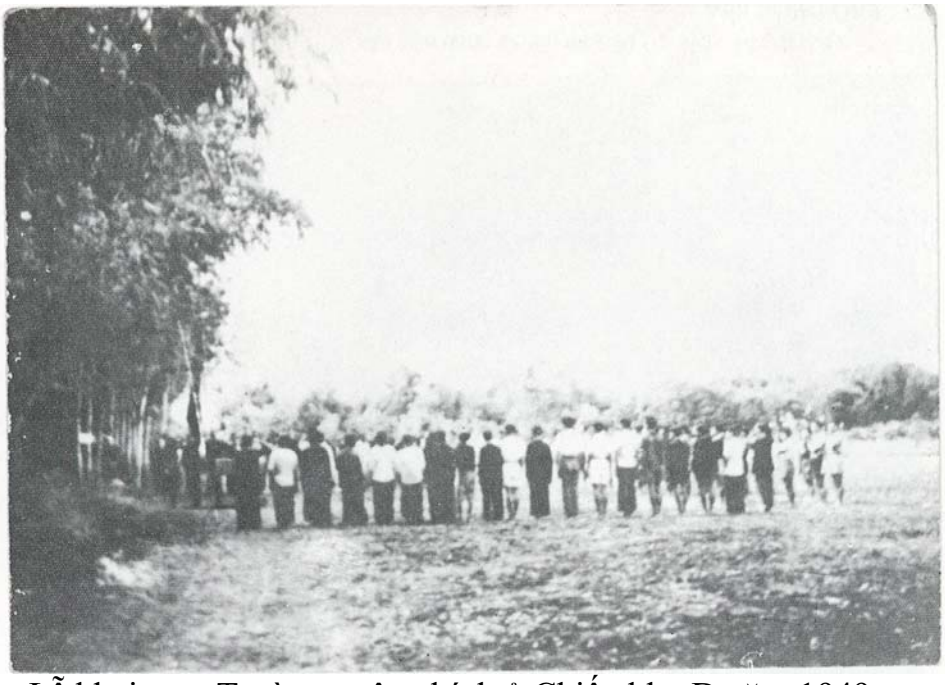

Lễ khai mạc Trường quân chính ở Chiến khu Đ năm 1949

Ảnh tư liệu QK7

Một số buổi liên hoan tại chiến khu Đ năm 1949 (có hàng rào bao xung để chống cọp Ba Móng)

Ảnh tư liệu QK7

Trung tướng Nguyễn Bình (đội mũ cối bên trái) trong lễ thụ Phong tại căn cứ Đồng Tháp Mười đầu năm 1948.

Ảnh tư liệu QK7

Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ (người đang gọi điện thoại) và đồng chí Phan Trọng Tuệ chính ủy khu 7 đang chỉ huy tại chỉ huy sở tại Nhà Nai.

Ảnh tư liệu QK7

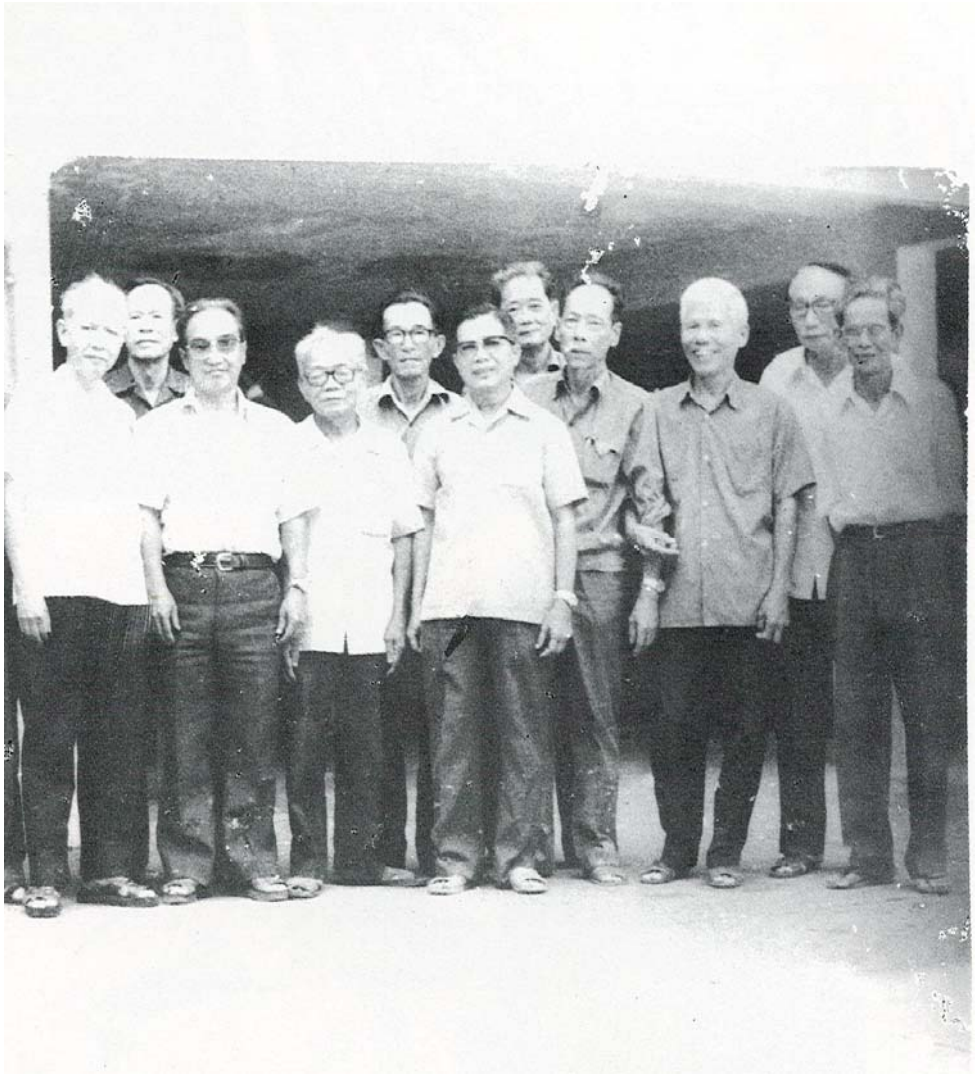

Từ trái qua phải:
Cao Văn Bổ, Lê Văn Ngọc, Bùi Trọng Nghĩa, Lê Văn Thái Nguyễn Văn Quảng, Lương Văn Nho, Bùi Cát Vũ, Nguyễn Văn Lung, Võ Cương, Lý Văn Sâm.
Các đồng chí chỉ huy sở Chi đội 10 năm 1947 - 1948.

Ảnh tư liệu QK 7

lượng ở Nam Bộ.

Tại Tân Uyên, chúng rút bớt các đồn lẻ, chỉ giữ lại những đồn bót chi khu trọng yếu ở thị trấn, sở cao su Phước Hòa, các cửa ngõ giao thông quan trọng trên dọc đường 16 và ven sông Đồng Nai. Đồng thời chúng đẩy mạnh thành lập ngụy binh, củng cố các tổ chức quân sự địa phương và hội tề để tăng cường kiểm soát vùng căn cứ.

Cuộc đàm phán Việt - Pháp tại lâu đài Phông-ten-nơ-blô tan vỡ vì thái độ ngoan cố quyết tâm xâm lược nước ta của thực dân Pháp. Ngày 14 tháng 9, Hồ Chủ tịch và Chính phủ Pháp đã ký một bản tạm ước.

Được tin Tạm ước ký kết, Ủy ban Hành chánh Nam Bộ họp hội nghị chủ trương triệt để lợi dụng hình thức công khai để tuyên truyền mạnh mẽ cho kháng chiến và Chính phủ, tích cực củng cố và phát triển các đoàn thể cứu quốc và các tổ chức chính quyền, đẩy mạnh hoạt động quân sự kết hợp với binh vận làm hoang mang tinh thần ngụy binh.

Tác động của Tạm ước làm dấy lên một phong trào đấu tranh chính trị mạnh mẽ tại các đô thị, nhất là Sài Gòn. Một số báo chí lên tiếng ủng hộ thiện chí hòa bình của Chính phủ Cụ Hồ Khá đông thân binh, việt gian chạy về hàng ngũ của ta. Nhiều thanh niên, công nhân, trí thức bỏ thành phố đi kháng chiến. Đồng bào tích cực
quyên góp tiền bạc hóa liệu, thuốc men gửi vào chiến khu.

Cũng từ sau Tạm ước 14 tháng 9 hoạt động càn quét của địch giảm xuống. Địch chỉ còn giữ lại ở Tân Uyên chi khu Tân Uyên và bót Tân Uyên, Cổng Xanh, Phước Hòa. Bên tả ngạn sông Đồng Nai chỉ còn chi khu Cây Đào và bót Rạch Đông. Phạm vi kiểm soát của địch đối với chiến khu thu hẹp lại. Từ Đất Cuốc, Lạc An, ta mở đường liên lạc vận tải dễ dàng lên đường 13 ở phía bắc và qua sông Đồng Nai về Long Thành, Bà Rịa ở phía nam.

Các cơ quan kháng chiến của tỉnh, huyện từ rừng sâu chuyển ra phía ngoài, đóng dọc Đất Cuốc, Tân Lợi, Mỹ Lộc, Tân Tịch, xây dựng lán trại khá khang trang.

Sở chỉ huy chi đội 10 từ Bình Chánh chuyển về Tân Tịch. Chi đội tranh thủ thời gian vừa củng cố xây dựng lực lượng, bổ sung thêm quân số, vừa huấn luyện nâng cao trình độ chỉ huy chiến đấu và thực hành chiến đấu cho cán bộ chiến sĩ. Các phân đội đưa từng bộ phận về bám sát hoạt động ăn ở luôn tại xóm ấp, có nơi sát đồn địch để gây dựng và phát triển phong trào địa phương.

Bên cạnh việc vận động nhân dân tại chỗ đóng góp, bộ phận quân nhu do đồng chí Cao Văn Bổ phụ trách xây dựng mạng lưới bảo đảm hậu cần xung quanh căn cứ, đặt các cơ sở nội thành làm nhiệm vụ mua sắm hoặc vận động đồng bào ủng hộ tiền bạc thuốc men hóa chất, tổ chức các đường dây vận chuyển thường xuyên về chiến khu.

Cơ sở quân giới do đồng chí Nguyễn Cao phụ trách được bổ sung thêm các đồng chí Bùi Cát Vũ, Đặng Sĩ Hùng và nhiều công nhân kỹ thuật, con số lên tới hàng trăm người. Ngoài việc nhồi lại đạn, thường gọi là rờ sạc (recharge) đạn, sửa súng, làm lựu đạn thông thường, xưởng vũ khí còn sáng chế các loại lựu đạn cần, lựu đạn phóng, làm địa lôi điện bằng đầu đạn, bom lép lấy được của địch. Các chiến sĩ quân giới đã phải đấu tranh quyết liệt không những với giặc Pháp mà còn với đói rét, bệnh tật, những thiếu thốn về máy móc, nguyên vật liệu, trình độ kỹ thuật. Rất nhiều người bị chết vì phù thũng, sốt rét, rận rệp. Nhiều người bị thương nặng trong khi thí nghiệm và sản xuất vũ khí. Sau thời gian ký kết Tạm ước, các binh công xưởng chuyển ra phía ngoài, điều kiện ăn ở, sinh hoạt sản xuất của cán bộ công nhân được cải thiện một bước quan trọng.

Quân y viện do bác sĩ Võ Cương phụ trách được bổ sung thêm một số dụng cụ y tế lấy từ sở cao su Thuận Lợi. Lúc này, có thêm một số y sĩ, y tá từ thành tiếp tục ra chiến khu Quân y viện bắt đầu mở các lớp đào tạo y tá cứu thương để cung cấp cho các phân đội. Các bộ phận quân y khắc phục mọi thiếu thốn khó khăn để tự chữa các

bệnh thông thường như sốt rét ho, ly, ghẻ lở, vết thương nhẹ cho bộ đội và nhân dân trong chiến khu. Có trường hợp vì thiếu dụng cụ thuốc men, phải lấy cưa thợ mộc để cưa xương, lấy kim chỉ khâu vá quần áo để khâu vết mổ, cưa cắt trong điều kiện không có thuốc tê, gây mê. Nhiều chiến sĩ trong lúc cưa cắt phẫu thuật "chay" như vậy đã vừa nén cơn đau tê tái vừa hát vang những bài ca cách mạng.

Trong điều kiện hết sức thiếu thốn, khó khăn, các cơ quan kháng chiến và đơn vị vũ trang đã trụ lại Tân Uyên với quyết tâm xây dựng căn cứ kháng chiến lâu dài. Đi đôi với công tác xây dựng căn cứ, mọi hoạt động hậu cần được triển khai có kết quả, đáp ứng được nhu cầu đối với một căn cứ kháng chiến.

*

Cuối năm 1946, cuộc chiến tranh lan rộng ra toàn quốc. Trong tháng 12 Thường vụ Trung ương Đảng gửi thư và điện cho Xứ ủy Nam Bộ phổ biến chủ trương gấp rút chuẩn bị kháng chiến toàn quốc, và chỉ thị: "Nhiệm vụ Nam Bộ là không để cho Pháp đem hết tài sản chiếm được ở Nam bộ ra đánh Trung, Bắc".[1]

Ngày 19 tháng 12 năm 1946, kháng chiến toàn quốc bùng nổ!

Cùng với lực lượng vũ trang trong toàn khu, các phân đội chi đội 10 đẩy mạnh hoạt động tác chiến kềm chân địch. Từ chiến khu Đ, đại đội A tiến ra đánh địch ở bót Tân Uyên, phục kích các đoàn giao thông ở đường 16, diệt được nhiều lính lê dương Pháp. Ở phía nam chiến khu, đại đội B đánh bót miếu Bà Cô, phục kích nhiều trận trên đường Cây Đào - Rạch Đông, đường 8...

Trong chiến khu, các cơ quan lãnh đạo của tỉnh, huyện, các bộ phận phục vụ kháng chiến như vận tải, quân nhu, quân giới, quân y hoạt động náo nhiệt. Cán bộ, bộ đội và nhân dân phấn khởi tham gia công tác và sinh hoạt văn hóa trong chiến khu. Văn phòng chi đội 10 có phòng thông tin trưng bày sách báo và hình ảnh tuyên truyền. Các tờ báo "Vệ quốc", "Việt Nam" của phòng chính trị Khu 7[2], tờ "Tiếng rừng" và sau đó là "Sứ mạng" của Vệ quốc đoàn Biên Hòa, sách báo của bác sĩ Phạm Ngọc Thạch, các loại truyền đơn in rất đẹp bằng nhiều thứ tiếng Việt, Anh, Pháp, Đức… được lưu hành rộng rãi. Nhân dân khắp nơi, đặc biệt Ở Sài Gòn, Chợ Lớn hăng hái mua sách báo để theo dõi và ủng hộ phong trào kháng chiến. Sách báo từ chiến khu gửi về thành thị, thư từ hàng hóa từ thành thị gửi vào chiến khu trở thành mối giao lưu thường xuyên và không thể thiếu trong đời sống vật chất và tinh thần của cán bộ, chiến sĩ và nhân dân ta, khích lệ họ hăng hái kháng chiến và giữ vững lòng tin son sắt với Đảng, với Bác Hồ. Chiến khu Đ trở thành "thủ đô cách mạng" của tỉnh Biên Hòa và một số vùng kế cận thuộc các tỉnh miền Đông Nam Bộ.

*

Vậy là do nhu cầu đặt ra ngày càng cấp thiết của cuộc kháng chiến, từ một khu vực ẩn náu, khôi phục xây dựng lực lượng, từng bước, vùng Lạc An - Tân Uyên được xây dựng thành căn cứ địa cách mạng. Đến ngày toàn quốc kháng chiến bùng nổ, toàn bộ vùng rừng hoang đường 16 trải dọc lưu vực hữu ngạn sông Đồng Nai đổ về thượng nguồn giáp giới Sông Bé - mà cán bộ, bộ đội, nhân dân thường gọi là chiến khu Đ -

---

[1] Văn kiện quân sự của Đảng. Tập 2 nxb Quân đội nhân dân. Hà Nội 1976. Trang 72.

[2] Xuất bản tại chiến khu Đ từ sau ngày 20 - 2 - 1 946 đến trước ngày 19 - 4 -1 946.

trở thành căn cứ địa của khu 7 và tỉnh Biên Hòa. Chiến khu Đ hình thành. Và, sự hiện diện vững vàng của nó đã trở thành một biểu tượng kháng chiến để nhân dân khắp nơi hướng về tin tưởng, hy vọng ngay trong những ngày đầu của cuộc kháng chiến.

CHƯƠNG HAI

XÂY DỰNG VÀ BẢO VỆ CĂN CỨ, GÓP PHẦN ĐÁNH PHÁ CHÍNH SÁCH BÌNH ĐỊNH CỦA ĐỊCH (1947-1951)

1. NƠI XUẤT PHÁT NHỮNG TRẬN ĐÁNH LỚN, TẠO ĐIỀU KIỆN XÂY DỰNG LỰC LƯỢNG VŨ TRANG.

Theo kế hoạch của Bộ chỉ huy quân đội Pháp, chúng phải tập trung lực lượng bình định Nam Bộ dứt điểm vào mùa thu năm 1947, "tách Nam Kỳ ra khỏi cuộc chiến tranh", từ đó dồn sức ra chiến trường miền Bắc giải quyết cuộc chiến. Bình định Nam Bộ trở thành khâu then chốt trong chiến lược "đánh nhanh thắng nhanh" của thực dân Pháp.

Thực hiện kế hoạch bình định, thực dân Pháp ra sức lôi kéo các phe nhóm tôn giáo phản động, lập các đảng phái và mặt trận quốc gia giảm hiệu, các "khu quốc gia", "khu an ninh" nhằm tạo thêm cơ sở xã hội cho chúng và chia rẽ hàng ngũ kháng chiến của ta; củng cố các cơ sở kinh tế như cao su ở miền Đông, lúa gạo ở miền Tây và các đường giao thông chiến lược. Về quân sự, Ny-ô tổ chức bố trí lại chiến trường, chia Nam Bộ thành 3 tiểu khu [1] và đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn làm cơ sở cho nhiệm vụ bình định, phát triển ngụy binh đặc biệt trong các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo. Với gần phân nửa quân số có ở Việt Nam[2], Ny-ô bố trí tập trung lực lượng ở những khu vực quan trọng, chủ yếu ở miền Đông. Biện pháp hoạt động quân sự của chúng là tập trung lực lượng lớn hành quân sâu vào các vùng căn cứ kháng chiến, nhằm đánh cơ quan đầu não, tìm diệt lực lượng vũ trang, triệt phá cơ sở hậu phương, thường xuyên liên tục đánh phá vùng du kích, từng bước mở rộng vùng kiểm soát và vùng tạm bị chiếm.

Chiến khu Đ trở thành mục tiêu càn quét chủ yếu của lữ đoàn lê dương thứ 13 Pháp.

Nhiệm vụ chung của ta ở Nam Bộ lúc này là "Đẩy mạnh đánh địch ở khắp các mặt trận"[3] mở một cuộc "tổng tiến công, khuấy rối, phong tỏa, phá hoại"[4] không để cho giặc Pháp đem của cải lấy được ở Nam Bộ ra đánh miền Trung, miền Bắc, kiên quyết ngăn chặn âm mưu lợi dụng tôn giáo, chia rẽ hàng ngũ kháng chiến của ta. Tháng 1

---

[1] Vùng chiến khu Đ thuộc tiểu khu 3 gồm: Biên Hòa, Bà Rịa, Thủ Dầu Một, Thủ Đức.

[2] Lực lượng của tướng Ny-ô gồm có: 23 tiểu đoàn bộ binh (trong tổng số hiện có 69 tiểu đoàn), 5 đại đội kỵ binh thiết giáp, 9 đại đội pháo binh. Tất cả gồm 38.000 quân. Ngoài ra còn 6.000 lính bảo an, khoảng 10.000 dân vệ.

[3] Chỉ thị ngày 3-12-1946 của Lâm Thời Xứ ủy Nam Bộ.

[4] Nghị quyết hội nghị khoáng đại Xứ ủy Nam Bộ ngày 27 - 28-2-1947.

năm 1947, Tư lệnh bộ Khu 7[1] mở hội nghị quân sự chủ trương chấn chỉnh lại lực lượng vũ trang, xây dựnglực lượng vũ trang ngày càng hoàn chỉnh, tổ chức đánh giao thông địch, chống càn quét và đẩy mạnh du kích chiến tranh.

Tại chiến khu Đ, chấp hành chỉ thị của trên, chi đội 10 một mặt tăng cường công tác xây dựng, bảo vệ căn cứ của tỉnh, mặt khác chấn chỉnh lại lực lượng, tổ chức các trận đánh ra ngoài tiêu diệt địch, vừa đánh vừa rút kinh nghiệm xây dựng phát triển đơn vị.

Để bảo vệ căn cứ, ngoài việc bố trí các phân đội thuộc đại đội A, chi đội tổ chức xây dựng mạng lưới trinh sát tình báo làm nhiệm vụ nắm địch, chống do thám, gián điệp và thông báo tình hình địch kịp thời cho Ban chỉ huy chi đội. Đầu năm 1947, tổ trinh sát của chi đội dời về chiến khu Đ và đổi thành tổ tình báo do đồng chí Bùi Trọng Nghĩa phụ trách. Tổ đã đi móc nối xây dựng các ban tình báo huyện, xã trong toàn tỉnh. Riêng ở chiến khu Đ, dựa vào bộ phận của đồng chí Chín Quỳ, Ban chỉ huy chi đội lập một trung đội tình báo kiêm cảnh sát quân sự - tòa án binh hoạt động trong địa bàn chiến khu. Công tác bảo vệ căn cứ được đặt ra một cách có hệ thống và thường xuyên.

Ngày 18 tháng 1 năm 1947, giặc Pháp huy động lực lượng càn vào Tân Tịch và nhảy dù xuống Mỹ Lộc nhằm đánh úp cơ quan kháng chiến tỉnh và chi đội 10. Các phân đội bảo vệ căn cứ đã chặn đánh quyết liệt, diệt 1 tiểu đội, thu nhiều đạn dược thuốc men và 100 chiếc dù. Qua trận đánh này, bộ đội ta có thêm kinh nghiệm chiến đấu chống chiến thuật nhảy dù đánh úp của địch, từ đó triển khai xây dựng hệ thống vật cản chống địch nhảy dù. Bộ đội và du kích chặt cây vạt nhọn chôn xuống đất, hình thành những bãi chông lớn khắp các trảng trống.

Tháng 3 năm 1947, có cơ sở nội ứng phối hợp, chi đội đã tập kích bất ngờ diệt gọn đồn Đất Cuốc do một trung đội địch đóng giữ, giải tỏa vùng trung tâm chiến khu.

Tình hình sinh hoạt trong chiến khu tương đối ổn định. Bọn địch chủ yếu cố thủ trong các đồn bót lớn. Các cuộc càn quét vào căn cứ giảm hẳn. Trong lúc đó, lực lượng xe đi lại của chúng trên các đường giao thông tăng lên. Một phần lớn lực lượng quân sự chuyển sang làm nhiệm vụ bảo vệ các cửa rừng cao su và đường giao thông quan trọng.

Cùng với các đại đội khác trên các chiến trường, từ chiến khu Đ, đại đội A tiến ra ngoài tổ chức những trận đánh đồn bót và đánh giao thông. Thực hiện nắm chắc quy luật hoạt động của địch, đưa lực lượng táo bạo luồn sâu ém quân bí mật, phục kích bất ngờ ngay giữa ban ngày, chi đội đã đánh thắng nhiều trận thu được kết quả cao về cả ý nghĩa tiêu diệt sinh lực địch và bồi dưỡng kinh nghiệm chiến đấu.

Ngày 19 tháng 5, kỷ niệm ngày sinh Hồ Chủ Tịch, chi đội đánh đoàn xe lửa ở Bảo Chánh thu nhiều súng. Tháng 6, chi đội đánh đoàn xe lửa quân sự tại Trảng Táo, thu 22 súng và 10 tấn gạo. Trong thời gian này, đồng chí Lê Duẩn đã đến chi đội 10 và dự quan sát trận đánh Trảng Táo. Sau trận đánh, đồng chí Lê Duẩn đã biểu dương tinh thần vượt khó khăn dũng cảm chiến đấu của bộ đội Biên Hòa, nhắc nhở cán bộ chi đội

[1] Từ tháng 12-1946 Khu bộ Khu 7 đổi tên là Tư lệnh bộ.

cần quan tâm đến việc tổ chức chỉ huy chiến đấu, rèn luyện bộ đội về kỷ luật hành quân, kỹ thuật, chiến thuật hơn nữa.

Cũng trong tháng 6, chi đội liên tiếp giành được thắng lợi trong trận đánh ở Bảo Chánh lần thứ hai, trận tập kích diệt bót cầu Là Ngà, trận diệt đồn Bình Lộc. Đặc biệt, ngày 14 tháng 7, chi đội tập trung lực lượng lớn gồm 400 người với 300 súng trường, 30 tiểu liên, 8 trung liên, 2 đại liên, 6 phóng lựu và 2 quả bom điện nặng 150 kg lên phục kích đường xe lửa ở Bàu Cá đánh một lúc 2 đoàn xe lửa. Kết quả trận đánh, ta diệt 200 tên (trong đó có 2 đại úy Pháp), thu 60 súng các loại và 3 máy VTĐ.

Thắng lợi của những trận đánh trên chứng tỏ sự trưởng thành nhanh chóng của chi đội về trình độ chỉ huy và thực hành chiến đấu của cán bộ, chiến sĩ, về khả năng đánh tập trung với lực lượng lớn, hành quân cơ động nhanh chóng từ căn cứ địa tới địa điểm tác chiến và ngược lại. Kết quả của những trận đánh này còn khẳng định sự đóng góp không nhỏ của binh công xưởng trong chiến khu
Đ. Cán bộ, công nhân đã khắc phục muôn vàn khó khăn sáng chế các loại vũ khí, bom, mìn, và cũng trực tiếp ra chiến trường đánh địch.

Sau trận Bàu Cá, chi đội 10 tập trung về chiến khu Đ mở một đợt huấn luyện toàn diện về quân sự, chính trị trong toàn chi đội. Ngoài những buổi lên lớp tập trung, bộ đội chia thành từng phân đội nhỏ, tiến hành thảo luận và luyện tập trong các khu vực căn cứ. Nội dung huấn luyện về quân sự là kỹ thuật hành quân trong mọi điều kiện, kỹ thuật chuyển đội hình từ hành quân sang phục kích, tao ngộ chiến... Về chính trị, bộ đội được học tập về kỷ luật chiến trường, chính sách đối với tù hàng binh, công tác dân vận...

Cuối tháng 7, tại Mỹ Lộc, hội nghị cán bộ Đảng tỉnh Biên Hòa lần thứ hai được triệu tập. Hội nghị đã tiến hành bầu Ban chấp hành Tỉnh Đảng bộ, đề ra phương hướng nhiệm vụ của tỉnh trong tình hình mới. Đối với lực lượng vũ trang, hội nghị quyết nghị cần phải củng cố sự lãnh đạo của Đảng, phát triển thêm nhiều đảng viên, xây dựng các chi đội trong các đơn vị. Tỉnh ủy đã trực tiếp kết nạp một số đồng chí trong Ban chỉ huy chi đội vào Đảng.

Sau khi có chi đội ủy, công tác chính trị, công tác Đảng trong chi đội được chú trọng triển khai. Vấn đề phát triển Đảng được đưa vào nghị quyết lãnh đạo thực hiện. Các cán bộ, chiến sĩ vốn xuất thân từ công nhân cao su, nông dân từ lâu khát khao nay được bồi dưỡng kết nạp vào Đảng đã thực sự trở thành những nòng cốt lãnh đạo trong các đơn vị. Đến cuối năm, hầu như mỗi trung đội, cơ quan của chi đội đều có một chi bộ Đảng.

Sau đợt huấn luyện quân sự, chính trị và đợt củng cố phát triển Đảng, đến cuối năm 1947, chi đội 10 đã có một bước tiến vượt bậc về mọi mặt.

*

Cùng với các đơn vị bộ đội, lực lượng dân quân du kích, tự vệ chiến đấu cũng ngày càng phát triển, thực sự giữ một vai trò quan trọng trong cuộc kháng chiến. Chấp hành quyết định của trên[1], ngày 3 tháng 11 năm 1947, Ủy ban Hành chính Nam Bộ

[1] Tháng 12-1947, các lực lượng nửa vũ trang được thống nhất cách gọi trong toàn quốc là dân quân, do chính quyền địa phương lãnh đạo. Lực lượng dân quân gồm có dân quân du kích làm nhiệm vụ đánh giặc giữ làng và dân quân tự vệ làm nhiệm vụ công tác hậu phương. Tháng 3-1947: Chính phủ

lập phòng dân quân Nam Bộ. Tư lệnh bộ Khu 7 thành lập ban dân quân do đồng chí Lê Minh Dinh làm trưởng ban. Kế đó, tháng 12, tỉnh Biên Hòa thành lập tỉnh đội dân quân và cử đồng chí Cao Văn Bổ làm tỉnh đội trưởng. Các huyện trong tỉnh đều thành lập huyện đội bộ dân quân trên cơ sở hợp nhất các ban công tác liên thôn. Các đội du kích tập trung tập hợp lại thành du kích tập trung huyện, do huyện đội bộ chỉ huy. Các ban công tác xã chuyển thành xã đội bộ và trực tiếp nắm các đội dân quân du kích và dân quân tự vệ xã.

Trên địa bàn chiến khu Đ, huyện Tân Uyên tách riêng hệ thống dân quân từ huyện xuống xã, củng cố lại các đội du kích tập trung và lực lượng dân quân tự vệ trong các xã căn cứ. Chi đội 10 đưa nhiều cán bộ sang làm nòng cốt trong cơ quan huyện đội bộ, dẫn dắt các đội du kích địa phương, thắt chặt mối quan hệ giữa chi đội và huyện đội dân quân.

Dưới sự chỉ đạo trực tiếp của huyện đội bộ, các đội du kích tập trung và dân quân tự vệ dần dần tiến lên kết hợp với đại đội A của chi đội 10 đảm nhiệm vai trò bảo vệ căn cứ, làm nòng cốt cho phong trào kháng chiến trong nhân dân. Khắp nơi, nhân dân Tân Uyên đào, cuốc đường xá, phá cầu cống, rào làng chiến đấu, tham gia chống càn diệt địch.

Để ngăn chặn tàu địch theo sông Đồng Nai vào chiến khu, ta có sáng kiến dựng vật cản trên sông. Nhân dân Tân Uyên hăng hái chặt cây, xẻ ván đóng góp cho công trường xây dựng vật cản. Các đội du kích phối hợp chi đội 10 và một số đơn vị khác của khu 7 đóng xà lan, cắm cờ neo chặn ngang dòng sông. Các xà lan được chất đầy đất đá tre gỗ sau đó tháo nước nhận chìm, hình thành một con đập khổng lồ chắn ngang dòng sông. Đập cản đã có tác dụng ngăn chặn tàu địch không lọt vào chiến khu, đến đầu năm 1948, mới bị nước cuốn trôi.

Cuối năm 1947, được sự đồng ý của Ủy ban Hành chánh Nam Bộ, tỉnh Biên Hòa lập quận Sông Bé giáp giới với chiến khu Đ về phía đông và đông bắc, cử đồng chí Ngô Văn Long làm bí thư Huyện ủy. Quận đã cử nhiều cán bộ đi xây dựng phong trào du kích chiến tranh trong các buôn sóc đồng bào dân tộc ít người và ở sở cao su Phước Hòa. Công tác thiểu số bắt đầu được chú ý đến. Tại sở cao su Phước Hòa, ta xây dựng được một đội du kích có 3 súng và một số tạc đạn làm nhiệm vụ hoạt động quân sự, tuyên truyền xây dựng cơ sở, theo dõi tình hình địch. Đội đã tổ chức được nhiều tổ phá hoại cao su, bí mật vạt vỏ cây, chặt đốt cây, bẻ máng mủ, đập bể chén đựng mủ. Hàng chục mẫu cao su bị phá hoại gây thiệt hại đáng kể cho bọn chủ tư bản Pháp.

Trong lực lượng vũ trang địa phương, hệ thống tổ chức Đảng hình thành 3 cấp ủy tỉnh, quận và xã. Đảng bộ quận Tân Uyên có 22 chi bộ trên 32 xã. Đội dân quân du kích nào cũng có đảng viên làm nòng cốt và giữ cương vị lãnh đạo, chỉ huy.

Phong trào du kích chiến tranh trong vùng căn cứ vì thế phát triển khá mạnh. Tháng 12 năm 1947 quận Tân Uyên được nhận bằng khen của Hồ Chủ Tịch về thành

---

quyết định đổi tên Bộ Tổng chi huy quân đội Quốc gia thành Bộ Tổng chi huy quân đội Quốc gia và dân quân tự vệ, thành lập các ban chỉ huy tỉnh đội, xã đội nào thuộc ủy ban hành chính các cấp.

tích phục vụ chiến đấu, thông tin, phá đường, đóng cọc làm vật cản trên sông Đồng Nai.

*

Thu đông năm 1947, thực dân Pháp mở chiến dịch tiến công quy mô lớn lên Việt Bắc trên một phạm vi rộng với ảo tưởng phá tan cơ quan đầu não kháng chiến tiêu diệt bộ đội chủ lực của ta, kết thúc thắng lợi cuộc chiến tranh xâm lược.

Phối hợp với chiến trường Việt Bắc, trên toàn miền Đông Nam bộ đã dấy lên một phong trào đánh địch sôi nổi rộng khắp. Từ chiến khu Đ, ngày 19 tháng 12, chi đội 10 huy động 8 trung đội tiến lên Đồng Xoài, tổ chức trận đánh giao thông địch trên đường 14. Trong trận này, ta thiêu hủy 14 xe thiết giáp, 9 xe chở lính, diệt 60 tên địch, bắt sống một số tên, thu 11 súng và 1 máy vô tuyến điện.

Trên đường hành quân trở về chiến khu Đ, đêm 20 tháng 12, Đảng ủy và Ban chỉ huy chi đội 10 họp rút kinh nghiệm trận đánh, đánh giá khả năng chi đội có thể tập trung đánh lớn ở một địa bàn xa căn cứ, từ đó quyết định tổ chức đánh một trận giao thông lớn trên quốc lộ 20 trong thời gian sắp tới.

Trong lúc chi đội đang khẩn trương chuẩn bị cho trận đánh ở đường 20 thì giặc Pháp tổ chức cuộc càn vào chiến khu Đ. Từ ngày 11 đến ngày 16 tháng 2 năm 1948, chúng huy động 2.000 quân, 50 xe cơ giới, 12 tàu chiến có pháo binh, máy bay yểm trợ, chia thành nhiều mũi tấn công chiến khu từ nhiều hướng. Kế hoạch của chúng là kết hợp thủy bộ và nhảy dù dồn cơ quan và bộ đội ta ra bờ sông Đồng Nai để tiêu diệt.

Đại đội A của chi đội 10 và bộ đội lưu động khu đã phối hợp với du kích chủ động chia cắt tiêu diệt địch. Trong suốt 7 ngày chiến đấu, ta liên tục bám đánh địch quyết liệt, gây cho chúng nhiều thiệt hại. Kết quả, ta diệt được một số tên địch, thu hơn 400 chiếc dù và 1 trọng liên. Các cơ quan kháng chiến trong căn cứ được bảo vệ an toàn.

Sau trận chống càn, công việc chuẩn bị cho trận đánh vẫn tiếp tục được triển khai. Tại chiến khu Đ, bộ đội đắp bàn cát xây dựng phương án tác chiến, chấn chỉnh lại bộ đội, thực hành các công việc nghi trang địch. Đến cuối tháng 2 năm 1948, mọi công tác điều nghiên nắm địch chuẩn bị lương thực thực phẩm đã hoàn tất. Ngày 22, Đảng ủy và Ban chỉ huy chi đội mở hội nghị thông qua quyết tâm chiến đấu. Kế hoạch trận đánh gồm 2 điểm chính: 1) Tập trung lực lượng toàn chi đội có tăng cường liên quân 17 tổ chức phục kích đánh đoàn xe của địch từ Sài Gòn đi Đà Lạt vào ngày 1 tháng 3, trên quãng cầu Là Ngà - Định Quán. 2) Đề phòng địch phản ứng đánh mạnh vào căn cứ bằng cách giữ lại một bộ phận đủ mạnh để phối hợp với du kích bảo vệ căn cứ, đẩy mạnh hoạt động quân sự ở thị xã và sân bay Biên Hòa buộc địch phải phân lực lượng đối phó.

Đêm 25 rạng ngày 26 tháng 2 năm 1948, các trạm gác phía mặt sông Đồng Nai vẫn hoạt động bình thường để đánh lạc hướng phán đoán của địch. Trong lúc đó, toàn bộ lực lượng chi đội và liên quân 17 bí mật rời khỏi căn cứ theo hướng đông vượt sông Bé băng rừng trên quãng đường dài hơn 80 cây số về Là Ngà. Trận đánh diễn ra đúng với dự kiến. Đoàn xe 70 chiếc của địch lọt vào trận địa phục kích của ta kéo dài trên 9km nằm giữa cầu Là Ngà và thị trấn Định Quán. Trong vòng chưa đầy 1 tiếng chiều ngày 1 tháng 3, ta hoàn toàn làm chủ trận địa, thiêu hủy 59 xe, diệt 150 lính lê

dương hộ tống đoàn xe, 25 sĩ quan từ Sài Gòn đi dự hội nghị tại Đà Lạt, trong đó có tên đại tá Đờ Sê-ri-nhê (De Sérigné) chỉ huy bán lữ đoàn lê dương thứ 13, đại tá Pa-ru-ít (Paruist) phó tham mưu trưởng thứ nhất quân đội viễn chinh Pháp tại miền Nam Đông Dương. Toàn bộ tù hàng binh và hành khách đi trong đoàn xe được bộ đội bảo vệ chăm sóc chu đáo và đưa trở lại đường 20 về Sài Gòn an toàn.

Chiến thắng Là Ngà gây một tiếng vang lớn trong cả nước, làm chấn động cả dư luận nước Pháp.

Cay cú phục thù, Bộ chỉ huy quân đội Pháp ở Sài Gòn điên cuồng mở cuộc phản kích. Đoán chắc lực lượng chi đội 10 từ Là Ngà chưa kịp trở về chiến khu Đ, chúng huy động lực lượng chặn đường hành quân trở về của ta trên bờ bắc sông Bé, dự định bao vây chặt dùng phi pháo tiêu diệt; đồng thời phối hợp thủy lục không quân càn quét vào chiến khu Đ đang bị bỏ trống, quyết tâm phá nát căn cứ.

Đoán trước được ý đồ của địch, Ban chỉ huy chi đội chỉ đạo đơn vị cấp tốc hành quân về chiến khu trước khi chúng kịp triển khai lực lượng, mặt khác tách ra một bộ phận chi đội kết hợp với lực lượng du kích áp sát hoạt động vùng thị xã thị trấn trong tỉnh, không cho địch tập trung lực lượng phản kích.

Chi đội nhanh chóng hành quân về chiến khu. Đại đội B tách ra về Xuân tộc uy hiếp thị xã này và các sở cao su. Liên quân 17 đi đường tắt về quấy rối dịch ở Tân Ba. Các bộ phận hậu cần đi thẳng về cơ sở sơ tán. 11 giờ ngày 4 tháng 3, bộ đội ta vượt sông Bé an toàn.

Mãi đến sáng ngày 5 tháng 3, địch mới kịp triển khai lực lượng trên các hướng. Ở khu vực bắc Sông Bé, chúng chia làm 4 cánh quân: cánh thứ nhất nhảy dù xuống Bù Cháp, hoạt động từ Bù Cháp xuống Lý Lịch, Hàn Dài; cánh thứ hai vượt sông Đồng Nai tại suối Cát bám sát truy kích đường rút quân của ta; cánh thư ba từ bót Cây Gáo chặn sông Đồng Nai từ Vĩnh An tới thác Trị An không cho quân ta thoát sang Xuân Lộc; cánh thư tư gồm 6 tàu chiến theo sông Đồng Nai lên rải dọc Sông Bé. Không tìm được lực lượng của ta, bọn Pháp điên cuồng bắn phá thiêu đốt nhà cưa của đồng bào trong các buôn, sóc Lý Lịch, Bù Cháp.

Cũng trong sáng ngày 5 tháng 3, 5 máy bay vận tải địch bắt đầu thả quân xuống Đất Cuốc. 1000 bộ binh và 50 xe cơ giới chia làm 2 gọng kìm quây tròn khu vực cơ quan tỉnh ở Tân Hòa, Mỹ Lộc. Được sự chỉ đạo từ trước, các cơ quan của ta đã kịp thời sơ tán. Phân đội được bố trí ở nhà cùng với các đội dân quân du kích liên tục bám đánh quấy rối địch ở Tân Hòa, Mỹ Lộc, ta diệt hơn 60 tên. Các phân đội từ Là Ngà trở về sau khi nghỉ ngơi lấy sức đã chủ động tìm các sơ hở của địch, tổ chức tập kích nhỏ tiêu hao sinh lực của chúng. Tại dốc Bà Nghiêm xã Tân Hòa, trung đội 7 thuộc đại đội C diệt 20 tên, thu nhiều vũ khí và 1 máy bộ đàm.

Càng thua đau càng điên cuồng, giặc Pháp đốt trụi nhà cửa của đồng bào các xã trong chiến khu. Chúng giết 20 thường dân trong đó có 7 phụ nữ và 3 trẻ em, bắn chết hơn 100 trâu bò, đốt cháy 500 gia lúa. Dù vậy, cuộc phản kích trả thù đã không đạt được mục đích. Hơn 100 tên lính lê dương bỏ mạng và nhiều tên khác bị thương.

Chiến thắng Là Ngà đánh dấu một bước phát triển quan trọng về chất của lực lượng vũ trang Biên Hòa. Từ đánh nhỏ lẻ, chi đội 10 đã vươn lên tổ chức trận đánh

hợp đồng quy mô lớn trên một phạm vi trận địa rộng cách xa căn cứ gần trăm cây số. Chiến thắng Là Ngà còn nêu lên tác dụng quan trọng của một chiến khu kháng chiến và bài học mẫu mực về cách tổ chức trận đánh nối liền từ căn cứ tới chiến trường, phối hợp giữa việc lấy chiến khu làm nơi chuẩn bị, xuất phát tiến công địch và bảo vệ an toàn căn cứ.

Thất bại của địch trong trận phản kích vào chiến khu Đ không những không làm giảm mức độ mà còn tăng thêm ý nghĩa thắng lợi to lớn của trận đánh giao thông này. Các đơn vị tham gia trận đánh Là Ngà đã được Chính phủ tặng Huân chương Quân công hạng hai.

Trong niềm phấn khởi chung, đêm 19 rạng ngày 20 tháng 3 năm 1948, tổ du kích quận Tân Uyên do đồng chí Trần Công An (Hai Cà) chỉ huy tập kích tháp canh cầu Bà Kiên thắng lợi. Du kích đã dùng thang leo lên thả lựu đạn vào tháp diệt 11 tên địch thu 8 súng và 20 lựu đạn. Đây là trận đánh tháp canh đầu tiên thu được vào tháp diệt 11 tên địch thu 8 súng và 20 lựu đạn. Đây là trận đánh tháp canh đầu tiên thu được thắng lợi trên chiến trường miền Đông Nam Bộ, mở ra khả năng mới về cách đánh tháp canh địch.

*

Đầu năm 1948, Tư lệnh bộ khu 7 được củng cố một bước. Đồng chí Huỳnh Văn Nghệ chi đội trưởng chi đội 10 được đề bạt làm khu bộ phó và sau đó lên khu bộ trưởng. Tại Đồng Tháp Mười Ban quân sự Nam Bộ kiện toàn tổ chức mọi mặt và củng cố lại căn cứ địa[1]. Để tiện việc nắm tình hình, chỉ đạo chung, cơ quan khu bộ Khu 7 trở về chiến khu Đ .

Văn phòng Tư lệnh bộ đóng tại Nhà Nai. Lực lượng bảo vệ các cơ quan khu và toàn căn cứ có đại đội A thuộc chi đội 10, tiểu đoàn lưu động khu và lực lượng dân quân du kích trong các xã căn cứ. Ngoài phương tiện giao liên chạy chân và đi ngựa, từ sở chỉ huy Tư lệnh bộ đến một số cơ quan đơn vị quan trọng trong chiến khu bắt đầu được trang bị máy vô tuyến điện để đảm bảo thông tin liên lạc.

Tại Nhà Nai, ngày 27 tháng 3 năm 1948, Tư lệnh bộ Khu 7 họp hội nghị quyết định thống nhất tổ chức bộ đội trong khu lên một bước nữa, thành lập các trung đoàn. Thực hiện quyết định này, toàn Khu 7 có 10 trung đoàn vá 1 tiểu đoàn lưu động (gọi là bộ đội lưu động khu).

Chi đội 10 được xây dựng thành trung đoàn 310, đồng chí Nguyễn Văn Lung làm trung đoàn trưởng. Toàn trung đoàn có 3 tiểu đoàn khinh binh và một đại đội trợ chiến, được trang bị 800 súng trường, 40 tiểu liên, 16 trung liên, 6 đại liên, 3 súng cối, 1 súng chống tăng PIÁT. Trung đoàn thành lập mới và củng cố các ban tham mưu, chính trị, quân nhu, quân báo, binh công xưởng, trường đào tạo thiếu sinh quân. Công tác xây dựng Đảng được tiếp tục đẩy mạnh. Đảng số trung đoàn lúc mới thành lập lên tới 155 đảng viên. Tại chiến khu Đ đại đội A được xây dựng thành tiểu đoàn mang tên vị anh hùng dân tộc Lê Lợi, do đồng chí Nguyễn Văn Lắm làm tiểu đoàn trưởng.

---

[1] Ban quân sự Nam Bộ thành lập ngày 12 tháng 12 năm 1947 do đồng chí Nguyễn Thanh Sơn làm trưởng Ban. Sau đó, Chính phủ gọi điện vào công nhận Ban quân sự Nam Bộ và chỉ thị đồng chí Nguyễn Bình giữ chức ủy viên quân sự. Đồng chí Nguyễn Bình được phong quân hàm Trung tướng theo sắc lệnh ngày 20 tháng 1 năm 1948.

Ngoài trung đoàn 310, trên địa bàn chiến khu Đ còn có đơn vị bộ đội lưu động của khu do Hoàng Thọ làm chỉ huy trưởng. Đơn vị làm nhiệm vụ phối hợp với trung đoàn 310 bảo vệ cơ quan Khu 7, bảo vệ chiến khu Đ và lưu động tác chiến trên các chiến trường xung quanh.

Chi đội 1 Thủ Dầu Một xây dựng thành trung đoàn 301 do đồng chí Nguyễn Văn Thi làm trung đoàn trưởng. Trung đoàn đặt nhiều cơ sở hậu cần ở chiến khu Đ và hoạt động trên các chiến trường liên quan phía tây chiến khu.

Sau hơn một năm cùng cả nước kháng chiến, lực lượng vũ trang tỉnh Biên Hòa và Khu 7 đã không ngừng phát triển, lớn mạnh về mọi mặt. Hệ thống Đảng trong bộ đội được xây dựng và củng cố từ trên xuống dưới. Các đơn vị được tổ chức lại theo hướng ngày càng chính quy. Trình độ quản lý chỉ huy của cán bộ, trình độ kỷ luật và kỹ thuật tác chiến của chiến sĩ được nâng lên. Hệ thống dân quân du kích được xây dựng hoàn chỉnh. Lực lượng 3 thứ quân hình thành.

Chiến khu Đ được xây dựng và bảo vệ an toàn trong giai đoạn này đã góp phần không nhỏ vào sự trưởng thành nói trên của lực lượng vũ trang. Và ngược lại, sự lớn mạnh của các lực lượng vũ trang trên địa bàn chiến khu Đ đã tạo điều kiện bảo vệ an toàn căn cứ của tỉnh Biên Hòa và khu 7.

II. CHỐNG CHÍNH SÁCH BAO VÂY, PHÁ HOẠI CỦA ĐỊCH, BẢO VỆ DỰ TRỮ CỦA TA.

Sau khi thua nặng ở chiến trường Việt Bắc thu đông 1947, đầu năm 1948, giặc Pháp buộc phải chuyển hướng chiến lược từ đánh nhanh thắng nhanh sang đánh kéo dài, quay lại bình định vùng đã chiếm đóng và lấn chiếm vùng tự do của ta. Tại Nam Bộ, từ tháng 4, chúng chuyển mạnh sang thực hiện chính sách bình định nhằm biến thành nơi dự trữ chiến lược cho cuộc chiến tranh xâm lược ở Việt Nam và ba nước Đông Dương. Chính sách bình định của địch nhằm tiêu diệt lực lượng ta, bảo vệ chính quyền bù nhìn của chúng; phá hoại kinh tế, ngăn ngừa giao thông tiếp tế của ta, bảo đảm giao thông tiếp tế của chúng; đánh mạnh vào lực lượng dự trữ của ta, xây dựng lực lượng dự trữ của chúng; củng cố và mở rộng vùng chiếm đóng, đẩy mạnh lực lượng kháng chiến ra xa các đô thị, thực hiện "lấy chiến tranh nuôi chiến tranh" "dùng người Việt hại người Việt".

Sau khi điều lực lượng từ miền Bắc trở lại Nam Bộ[1] giặc Pháp tăng cường các cuộc hành quân dồn ép lực lượng kháng chiến vào các chiến khu, từ đó thực hành bao vây nghiêm ngặt và tấn công tiêu diệt. Đối với chiến khu Đ, đi đôi với các cuộc hành quân càn quét tìm diệt cơ quan đầu não, chúng tập trung đánh mạnh vào cơ sở kinh tế của ta bằng nhiều thủ đoạn như cho máy bay ném bom bắn phá doanh trại, kho tàng, cơ xưởng, ruộng rẫy, nông súc[2], tổ chức mặt trận gián điệp và chiến tranh tâm lý. Bên ngoài, chúng tiến hành ngăn chặn các ngả đường vận chuyển lương thực, thực phẩm nguyên vật liệu, hàng hóa thuốc men vào chiến khu, gây cho ta nhiều khó khăn

---

[1] Tháng 1 năm 1948, điều 4 tiểu đoàn bộ binh và 1 tiểu đoàn pháo binh.

[2] Khẩu hiệu của chúng là: "Giết 1 trâu bằng 5 du kích".

hơn trước.
Từ giữa năm 1947 trở đi, tình hình sinh hoạt mọi mặt trong chiến khu Đ trở nên rất khó khăn. Đặc biệt công tác hậu cần không bảo đảm được nhu cầu thiết yếu cho bộ đội và các cơ quan kháng chiến. Tình trạng thiếu gạo, thực phẩm, nguyên hóa liệu để sản xuất vũ khí và thuốc men đe dọa thường xuyên. Công tác sản xuất tự túc có đặt ra nhưng chưa thực hiện tốt. Ruộng đất canh tác ít. Trâu bò bị giặc bắn chết nhiều. Một số cán bộ, chiến sĩ đồng bào tỏ ra dao động bi quan trước các thủ đoạn tuyên truyền xuyên tạc của địch. Nhiều cơ sở sản xuất kho tàng bị địch đánh phá thường xuyên nên có nơi nội bộ thiếu tin tưởng lẫn nhau. Yêu cầu của cách mạng đặt ra lúc này là cần phải có chủ trương mới thích hợp với tình hình nhằm chống lại chiến lược của địch, bảo vệ và xây dựng chiến khu Đ thành một trong những trung tâm dự trữ chiến lược của ta.

Tháng 7 năm 1948, Đại hội đại biểu Xứ Đảng bộ Nam Bộ lần thứ nhất họp tại bờ kinh Năm Ngàn giữa chiến khu Đồng Tháp Mười. Đông đảo các đại biểu từ các địa phương tỉnh huyện các đơn vị quân đội, các cơ quan thuộc Xứ ủy và Ủy ban kháng chiến Hành chánh Nam Bộ đã về dự. Đồng chí Lê Duẩn được ủy nhiệm thay mặt Thường vụ Trung ương Đảng chủ trì đại hội.

Trên cơ sở nhận định Nam Bộ đã trở nên trung tâm hoạt động chính trị và cũng là vị trí quân sự quan trọng của địch và chiến lược chính của chúng là đánh đòn chính vào dự trữ của ta. Đại hội chủ trương; chiến lược của ta phải nhằm vào chống chiến lược của giặc, vào sự bảo vệ dự trữ của chúng ta, bảo vệ hậu phương của ta. Đại hội đã bầu ra xứ ủy chính thức và trực tiếp bầu đồng chí Lê Duẩn làm bí thư, hai đồng chí Nguyễn Văn Kính và Nguyễn Đức Thuận làm phó bí thư.

Quán triệt nghị quyết của đại hội, Khu ủy và Bộ chỉ huy Khu 7[(1)] đề ra các nhiệm vụ: "l. Đánh mạnh vào hậu phương của địch, gây cơ sở địch hậu, bóp hẹp vùng kiểm soát của chúng. 2. Phá hoại trọng tâm kinh tế địch (cao su), cắt đặt đường giao thông quan trọng của ta. 3. Mở rộng khu giải phóng, kiến thiết căn cứ địa bảo vệ lực lượng dự trữ, bảo vệ mùa màng của ta. 4. Tích cực phòng điệp, tiến hành địch và ngụy vận…"[(2)].

Dưới sự lãnh đạo trực tiếp của Khu ủy, cuộc chiến đấu của quân và dân ta phát triển đều khắp trên cả 3 vùng tạm bị chiếm, du kích và vùng tự do.

Các trung đoàn phối hợp với dân quân du kích địa phương hoạt động mạnh trên các đường giao thông của địch như phục kích các đoàn xe công voa, phá cầu, cuốc đường. Hàng loạt đường giao thông bị ta phá hư nhiều đoạn như đường từ Thủ Dầu Một đi Dầu Tiếng, từ Dầu Tiếng đi Minh Thành, đường Thủ Dầu Một đi Lộc Ninh, đường Thị Tính, đường bộ từ Sài Gòn đi Vũng Tàu.

Trung đoàn 310 đưa các phân đội xuống hỗ trợ với du kích địa phương hoạt động ở vùng du kích và vùng tạm bị chiếm tiến đánh các đồn bót nhỏ, đánh giao thông, giành

---

(1) Từ tháng 6-1948, Tư lệnh Bộ khu 7 đổi tên thành Bộ chỉ huy khu.

(2) Trích: "Báo cáo tình hình Khu 7 năm 1948 và sau năm 1949 (đoàn đại biểu quân sự Khu 7 kính gửi Bộ Tổng tư lệnh Quân đội Quốc gia Việt Nam)". Tư liệu Phòng Lịch sử quân sự Quân khu 7.

quyền chủ động về chiến thuật, tiểu đoàn Lê Lợi chỉ giữ lại một đại đội bảo vệ căn cứ tại chỗ, đưa một đại đội ra hoạt động bên ngoài bảo vệ chiến khu Đ từ xa, áp sát quấy rối Tân Ba và sở cao su Phước Hòa. Đại đội còn lại vượt sông Đồng Nai phối hợp với các đơn vị khác hoạt động sâu vào vùng địch. Tính riêng 6 tháng cuối năm 1948, lực lượng vũ trang ở chiến khu Đ đã tham gia đánh đồn 2 trận, đột nhập thành 5 trận, đánh giao thông 6 trận, đánh quấy rối 11 trận, chống khủng bố 2 trận, đánh các sở cao su 5 trận, phục kích 31 trận, tao ngộ chiến 2 trận. Kết quả, ta thu mang về chiến khu được 2 súng lục, 3 tiểu liên, 1 đại liên, 2 trung liên, 20 súng trường và nhiều quân trang quân dụng khác.

Tác dụng của những hoạt động trên đã làm cho địch bị động đối phó liên miên trên tất cả các chiến trường, không tập trung được lực lượng lớn tấn công vào vùng căn cứ của ta. Hoạt động khai thác vơ vét chuyên chở của địch gặp nhiều khó khăn trở ngại.

Trên địa bàn các huyện xã, ta còn tích cực xây dựng các căn cứ tại chỗ, căn cứ lõm. Đó là căn cứ Bình Đa, Long Thành, Chứa Chan (Biên Hòa), Bình Chánh, Thuận An Hòa, Vĩnh Lợi, Hớn Quản, An Điền, Long Nguyên, Đường Long, Đình Thành Căn Cứ (Thủ Dầu Một), Long Mỹ, Xuyên Mộc, Phước Bửu (Bà Rịa)...

Những căn cứ nêu trên hình thành một hệ thống căn cứ vệ tinh xung quanh chiến khu Đ, tạo nên thế xen kẽ 3 vùng trên toàn bộ các chiến trường, vừa đảm nhiệm vai trò một hậu phương kháng chiến tại chỗ, vừa xây dựng thế liên hoàn giữa các căn cứ, chống lại chính sách chia cắt của địch.

*

Cùng với các hoạt động tác chiến bên ngoài căn cứ, tại chiến khu Đ, Khu ủy Khu 7 và tỉnh ủy Biên Hòa chỉ đạo kiên quyết giữ vững căn cứ, bảo vệ mùa màng, bảo vệ dự trữ kháng chiến; đồng thời ra sức phát triển kinh tế, đẩy mạnh sản xuất mọi mặt, tự cân đối mậu dịch. Khẩu hiệu của ta là "giữ người giữ của, xây dựng người xây dựng của, lấy của địch bồi dưỡng ta, không để một tấc đất hoang".

Ủy ban kháng chiến Hành chính tỉnh Biên Hòa đề ra nhiều biện pháp nhằm mở ra hướng phát triển kinh tế khuyến khích nhân dân tăng gia sản xuất như: Nông dân được phép phá rừng làm rẫy theo từng khu vực quy định, lập ở mỗi xã một hội đồng canh nông phát triển nông nghiệp, lập quỹ nghĩa thương dự trữ lúa giống và nông cụ giúp các gia đình khó khăn, nâng giá thu mua thóc (từ 12 đồng lên 20 đồng một giạ).

Các đơn vị bộ đội tổ chức bố phòng canh gác bảo vệ nhân dân sản xuất, mở lò rèn sản xuất nông cụ đổi lúa cho nông dân; mặt khác đẩy mạnh công tác sản xuất tự túc. Các ban sanh sản của Khu, tỉnh, trung đoàn được thành lập. Bộ chỉ huy Khu 7 lập 2 tiểu đoàn sản xuất đặt tại chiến khu Đ và căn cứ Phú Mỹ (Bà Rịa). Cuối năm 1948, tiểu đoàn ở Phú Mỹ chuyển về tăng cường cho tiểu đoàn ở chiến khu Đ, mở rộng phạm vi canh tác lên dọc Vàm Sông Bé. Các cơ quan, ban ngành của Khu, tỉnh, trung đoàn đều cử người lập bộ phận sanh sản và xây dựng trại sản xuất cây lương thực, chăn nuôi heo, gà, gọi là các nông trường.

Công tác tăng gia sản xuất để tự túc lương thực, thực phẩm bắt đầu được chú trọng, phát triển thành phong trào trong chiến khu.

Ngoài ra, ta còn xây dựng các cơ sở, xí nghiệp sản xuất các mặt hàng công nghệ phẩm, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt, chiến đấu của bộ đội và nhân dân. Một số lò đường được xây dựng ở Lạc An. Xưởng thuộc da của Khu 7 sản xuất được các loại thắt lưng, bao đạn, dây súng, giày da, xắc cốt, cặp đựng tài liệu với chất lượng khá. Xưởng giấy sử dụng những nguyên liệu sẵn có của rừng chiến khu như tre, nứa, rơm, bông gòn, vỏ cây để sản xuất các loại giấy đánh máy, giấy bìa. (Tính riêng trong hai năm 1948-1949, trung bình mỗi tháng xưởng sản xuất được 30.000 tờ giấy in báo). Công nhân cao su chiết từ mủ cao su làm thành một loại dầu đỏ dùng để thắp sáng cung cấp cho nhân dân và bộ đội. Đặc biệt lò chén ở Đất Cuốc nơi có sẵn nguyên liệu đất cao lanh - đã sản xuất nhiều loại chén đĩa và dụng cụ sinh hoạt cung cấp rộng rãi trong chiến khu. Các gốm phẩm đều in hình Bác Hồ, hình đồng chí Trường Chinh hoặc những dòng chữ "Hồ Chủ tịch muôn năm", "kháng chiến nhất định thắng lợi" cùng nhiều loại hoa văn trang trí đẹp mắt được nhiều người ưa thích. Trong những ngày thiếu nguyên liệu sản xuất vũ khí, lò chén đã sản xuất các loại vỏ lựu đạn, vỏ mìn (chiến sĩ du kích thường gọi là mìn bình vôi) bằng sành kịp thời cung cấp nhu cầu vũ khí cho dân quân du kích đánh giặc. Tại suối Sâu, từ năm 1947, ta xây dựng được một xa nước phát điện có công suất đủ cho binh công xưởng khu sản xuất và sinh hoạt. “Nhà máy thủy điện" nhỏ này hoạt động đến năm 1951.

Cùng với hoạt động sản xuất tại chỗ, Khu 7 và tỉnh Biên Hòa còn xây dựng nhiều tuyến hành lang tiếp tế từ các nơi về chiến khu Đ. Ủy ban Kháng chiến Hành chính tỉnh chỉ đạo rút lúa từ các vùng du kích và tạm bị chiếm về căn cứ. Tại các vùng lúa trọng điểm, ta đều đặt các trạm thu mua hoặc vận động nhân dân ủng hộ. Ngoài ra, cơ quan đơn vị nào cũng đều có cơ sở ở nội thành Sài Gòn và các thị trấn, thị xã để vận động đồng bào quyên góp hoặc thu mua hàng hóa khan hiếm như vải vóc, thuốc chữa bệnh, nguyên hóa liệu cho quân giới. Các đường dây vận tải lương thực, hàng hóa từ các vùng xung quanh về chiến khu Đ được tổ chức dưới nhiều hình thức phong phú. Trung đội vận tải 20 của khu được thành lập làm nhiệm vụ vận tải hàng hóa, cá khô, muối từ Bà Rịa về chiến khu Đ. Bộ đội còn tổ chức đánh các sở cao su, bắt chủ sở phải đóng thuế cho cách mạng bằng tiền Đông Dương ngân hàng, lương thực, nguyên liệu, hóa chất sản xuất vũ khí và thuốc chữa bệnh. Nhiều chủ sở trên địa bàn chiến khu đã "đóng thuế" khá thường xuyên, tạo nên một nguồn cung cấp hậu cần đáng kể cho kháng chiến hoạt động khá đều đặn.

Cũng trong thời gian này, Ủy ban kháng chiến Hành chánh Nam Bộ chỉ đạo cung cấp gạo cho các cơ quan đóng tại chiến khu Đ bằng con đường hợp pháp (còn gọi là "bình phong"): thuê các nhà buôn và chủ phương tiện vận chuyển đưa gạo về căn cứ. Đến tháng 8 năm 1948, đường dây vận chuyển này không thực hiện được nữa. Tháng 11, Sở kinh tế Nam Bộ thành lập Ban vận tải liên tỉnh miền Đông dựa vào lực lượng dân quân địa phương và các đơn vị bộ đội bảo vệ để duy trì hành lang vận chuyển gạo, khô, ruốc mắm từ Đồng Tháp Mười về Khu 7. Đường dài gần 300 km phần lớn phải gánh bộ xuyên qua các vùng du kích và nhất là vượt đường số 10 (Đức Hòa - Lộc Giang) và đường số 1 (Sài Gòn - Phnôm Pênh) là những nơi địch đóng đồn bót dày đặc. Trên con đường này, nhiều cán bộ, chiến sĩ và đồng bào đã ngã xuống.

Những hạt gạo từ miền Tây về đến chiến khu Đ thấm biết bao mồ hôi và máu của những chiến sĩ vận tải chết dọc tuyến đường vận tải liên tỉnh chiến lược này.

Mạng lưới tổ chức hậu cần, tiếp vận của nhân dân và bộ đội đã góp phần phá thế bao vây kinh tế của địch.

*

Vừa đẩy mạnh hoạt động sản xuất, giao thông vận tải, quân và dân tại chiến khu Đ vừa thực hiện các biện pháp chống chiến tranh gián điệp của địch, tổ chức mạng lưới an ninh nhân dân, xây dựng làng ấp chiến đấu bảo vệ chiến khu.

Lợi dụng phong trào hưởng ứng chỉ thị 4/NV của Ủy ban Hành chánh Nam Bộ (năm 1947) kêu gọi giới công chức thoát ly vào khu kháng chiến, địch cho bọn mật thám, chỉ điểm, nhân viên phòng nhì Pháp xâm nhập chiến khu, len lỏi sâu vào các cơ quan quan trọng của ta như văn phòng tỉnh đội, ban tác chiến, ban quân báo, bộ phận cơ yêu thông tin... binh công xưởng... Bọn này ra sức hoạt động phá hoại như thu thập tin tức tài liệu mật, chỉ điểm cho máy bay địch bắn phá dẫn bộ binh tập kích, ngấm ngầm phá hoại sản xuất. Giặc Pháp còn tổ chức con buôn lậu đưa hàng hóa xa xỉ và gái điếm vào chiến khu, khêu gợi sự ăn chơi, hưởng lạc, cờ bạc, rượu chè, trai gái; tung tin thất thiệt, gây hoang mang dao động trong hàng ngũ của ta. Trong lúc đó, một vài cán bộ quân sự vốn là
"dân anh chị" đi theo cách mạng, vẫn giữ nguyên tác phong anh hùng cá nhân, cục bộ, quân phiệt gây khó dễ cho phong trào cách mạng trong chiến khu.

Các đơn vị, cơ quan, xã ấp trong chiến khu được chỉ đạo tổ chức học tập vạch rõ âm mưu thủ đoạn của địch, nâng cao tinh thần cảnh giác, ý thức bảo vệ căn cứ. Các cơ quan đơn vị quân dân chính đảng đều rà soát củng cố lại tổ chức nhân sự, đề ra quy định quy chế bảo mật phòng gian, tăng cường kiểm soát sự giao dịch giữa cơ quan đơn vị với bên ngoài, kiểm soát việc thu nhận người từ vùng tạm bị chiếm vào chiến khu. Bộ chỉ huy Khu 7 ra chỉ thị thẩm tra lại lý lịch, chọn lọc cán bộ nhân viên làm việc ở các cơ quan quan trọng, các cơ sở kho tàng, binh công xưởng; cho di chuyển những cơ quan quan trọng đến địa điểm bí mật; hạn chế sự đi lại và lập thêm trạm kiểm soát giữa các khu vực trong chiến khu; tập trung điều tra giải quyết dứt điểm các vụ gián điệp chui vào hàng ngũ kháng chiến. Khắp nơi, cán bộ, chiến sĩ và nhân dân đều thực hiện ba không: không nghe, không biết, không thấy để bảo đảm bí mật an toàn căn cứ.

Nhờ thực hiện những biện pháp trên đây, ta đã đánh lại có hiệu quả thủ đoạn hoạt động gián điệp và chiến tranh tâm lý của địch, góp phần củng cố lại nội bộ các cơ quan đơn vị, gây không khí yên tâm phấn khởi trong công tác.

Đầu năm 1949, phái đoàn cán bộ do đồng chí Lê Đức Thọ làm trưởng đoàn được Trung ương Đảng và Chính phủ cử vào tăng cường cho Nam Bộ về đến chiến khu Đ. Đồng chí Huỳnh Văn Đính bí thư Huyện ủy Tân Uyên đã báo cáo về tình hình xây dựng huyện, về dân quân du kích, phong trào sản xuất chiến đấu của nhân dân và mời phái đoàn đi thăm một số xã trong chiến khu. Đêm giữa rừng chiến khu Đ, bên bếp lửa, các cán bộ trong đoàn đã
kể chuyện về Bác Hồ, về chiến khu Việt Bắc và tặng huyện ủy Tân Uyên tấm ảnh

chân dung Hồ Chủ tịch. Nhiều cán bộ ở Tân Uyên lần đầu tiên được xem ảnh Bác Hồ cảm động không cầm được nước mắt.

Phái đoàn cán bộ Trung ương đã mang đến chiến khu Đ tình cảm cách mạng cao quý của Đảng và Bác Hồ, tiếp thêm nghị lực cho cán bộ, chiến sĩ và đồng bào ở chiến khu trên chặng đường đấu tranh gian khổ trước mắt.

Sang năm 1949, giặc Pháp càng đẩy mạnh hoạt động bao vây kinh tế, đóng các đồn bót tháp canh và tổ chức càn quét tàn phá căn cứ với mật độ dầy đặc hơn. Tháng 3, chúng càn vào chiến khu Đ. Các múi đánh thọc sâu của địch vào tận Đất Cuốc, Nhà Nai, Bà Đã và luồn khắp các vùng rừng căn cứ. Bộ đội ta kết hợp với du kích đánh địch nhiều trận. Tại bến Chang Chang, ta diệt 4 xe tăng. Không tìm được cơ quan đầu não, địch buộc phải rút quân sau khi phá sạch các cơ sở sản xuất của ta ở Lạc An, Hàn Dài, Vàm Sông Bé.

Tháng 7 năm 1949, hội nghị dân quân toàn khu 7 tổ chức tại chiến khu Đ, chủ trương: phát triển lực lượng dân quân du kích với khẩu hiệu "mỗi nông dân là một dân quân", chú trọng phát triển dân quân du kích thành phần dân tộc thiểu số, thành lập các xóm ấp chiến đấu.

Trong chiến khu Đ, lực lượng dân quân du kích ngày càng đông. Ngoài dân quân tự vệ, dân quân du kích mật làm trinh sát, liên lạc, bảo vệ an ninh căn cứ. Các lớp huấn luyện đào tạo đội viên dân quân, cán bộ dân quân được mở. Hầu hết, lực lượng dân quân du kích đều tự túc được một phần lương thực, thực phẩm và trang bị vũ khí như quần áo, súng trường, lựu đạn, địa lôi, dao găm. Nhiều nơi, dân quân du kích đã độc lập tác chiến đánh lui được các cuộc ruồng bố nhỏ lẻ của địch. Ngoài ra, du kích còn chủ động dùng chiến thuật *chim sẻ*, tập kích quấy rối địch, phá đường phá cầu, cắm cọc chống nhảy dù. Để ngăn tàu địch đổ bộ, du kích xã Lạc An vào rừng đào những cụm tre lớn về trồng kín dọc bờ sông, phía trong đào hầm lộn chống xe tăng và hào chiến đấu. Khắp các mối đường chính dẫn vào căn cứ đều có hệ thống hầm hào, bãi cọc chống xe tăng.

Dân quân du kích còn xây dựng mạng lưới trinh sát báo động trong các xã, hướng dẫn nhân dân làm nhiệm vụ phát hiện địch và thông báo dây chuyền bằng các quy định tín ám hiệu như đánh mõ, đánh kẻng, phơi nón áo... Các trạm canh gác, xét hỏi trên các ngả đường trong chiến khu của các đội du kích thực hiện tương đối có nề nếp.

Công tác bảo vệ an ninh trong chiến khu trong thời gian này còn bao gồm cả việc chống thú dữ. Lúc này tại chiến khu Đ, cọp Ba Móng hoành hành nhiều nơi, giết hại hàng chục người, gây tâm lý sợ hãi trong cán bộ và nhân dân[1]. Thêm vào đó, địch làm giả cọp Ba Móng để hù dọa, tung tin thất thiệt về thú dữ trong căn cứ. Đồng thời với việc giao nhiệm vụ cho ban quân giới tìm cách diệt cọp. Bộ tư lệnh Khu[2] chỉ thị cho các cơ quan đơn vị làm hàng rào ngăn cọp đột nhập, nâng cao cảnh giác, phòng

---

[1] Cọp Ba Móng xuất hiện ở chiến khu Đ từ sau trận càn tháng 3 năm 1948. Trận ấy, xác giặc nằm ngổn ngang. Cọp đói, gặp xác người liền ăn và sau thành quen. Chuyển sang rình bắt người: trong lúc đang ở trong nhà, đang họp ở cơ quan hay đi công tác ngoài đường. Tính đến đầu năm 1950, cọp Ba Móng đã sát hại hơn 100 người. Đây là một con cọp rất tinh quái, lúc ẩn lúc hiện, lưu động liên tục trong khắp mọi khu vực căn cứ. Việc diệt cọp vì thế rất khó thực hiện. Sau nhiều lần diệt hụt, đội diệt cọp của ban quân giới phải dùng xáo người làm mồi dưới có gài mìn mới diệt được cọp Ba Móng.

[2] Từ tháng 12 năm 1948, Bộ chỉ huy Khu 7 đổi tên là Bộ Tư lệnh khu. Trước đó, tháng 10 năm 1948, Bộ Tư lệnh Nam Bộ thành lập thay cho Ban quân sự Nam Bộ.

cọp về bắt người trên đường đi lại công tác, đặc biệt ở chỗ vắng hoặc lúc chiều tối. Phong trào chặt cây làm hàng rào chống cọp xung quanh hội trường, nhà làm việc, nhà ở được triển khai rộng rãi. Đến đầu năm 1950 cọp Ba Móng bị tiêu diệt, mọi sinh hoạt, công tác trong căn cứ trở lại bình thường.

*

Từ nửa cuối năm 1949, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh tỉnh Biên Hòa chỉ đạo bổ sung thêm một số quy định nhằm đẩy mạnh sản xuất, bảo đảm kinh tế tự túc, chống địch phong tỏa bao vây. Các đơn vị bộ đội và cơ quan dân chánh khắc phục hiện tượng chỉ lo kinh doanh, "làm thương mại" mà chuyển sang tập trung cho sản xuất, lấy trồng trọt chăn nuôi làm chính. Ta mở rộng các nguồn thu như thu thuế sản xuất trong căn cứ, thuế đánh vào các loại hàng hóa bán vào vùng tạm bị chiếm, thuế thu ở vùng du kích và tạm bị chiếm, ở các sở cao su.

Cũng trong thời gian này, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ cho phát hành công phiếu kháng chiến và giấy bạc Việt Nam. Để bảo đảm chế độ cung cấp cho bộ đội, Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ tăng ngân sách quân sự lên 75%, bước đầu tiêu chuẩn hóa chế độ. Phòng quân nhu tài chính Nam Bộ đặt một bộ phận ở chiến khu Đ, bảo đảm cung cấp tiêu chuẩn khá đều cho các cơ quan trực thuộc Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Các bộ phận cung cấp của Khu 7 và tỉnh Biên Hòa bước đầu bảo đảm được một vài tiêu chuẩn cung cấp cho bộ đội, cán bộ thuộc đơn vị, cơ quan mình.
Cuối năm 1949, chiến khu Đ được mùa lớn. Số lúa thu hoạch trong chiến khu tăng gấp 20 lần so với vụ mùa cuối năm 1947. Nông dân phấn khởi đóng góp lương thực cho cách mạng như lập bồ lúa kháng chiến hoặc bán chịu chờ ngày độc lập lấy tiền sau. Các sinh hoạt trong chiến khu dần dần ổn định trở lại. Dọc bến Chang Chang, bàu Ông Iểng, Sình... hình thành những trung tâm dân cư, có các hiệu tạp hóa, ăn uống, chụp hình, cắt tóc, may đo.v.v…

III. PHÁ CHIẾN THUẬT THÁP CANH CỦA ĐỊCH TẠO ĐIỀU KIỆN CHO "VẬN ĐỘNG CHIẾN TIẾN TỚI"

Đến cuối năm 1949, mặc dù ta đã thu được những thành tích đáng kể trong việc bảo vệ căn cứ, bảo vệ dự trữ kháng chiến nhưng công tác xây dựng căn cứ bảo đảm đáp ứng với yêu cầu chung còn chưa được chú ý đúng mức và còn nhiều thiếu sót. Những thiếu sót đó tác động không nhỏ đến việc xây dựng, phát triển các lực lượng vũ trang theo kịp yêu cầu chung của chiến trường toàn quốc Bộ đội thiếu quân số, thiếu vũ khí, thiếu được huấn luyện cơ bản; hoạt động tác chiến còn theo lối du kích, chưa chuẩn bị đủ điều kiện cho nhiệm vụ chuyển sang tổng phản công.

Trong lúc đó, thực dân Pháp ngày càng đẩy mạnh bình định trên toàn chiến trường Nam Bộ. Đối với vùng căn cứ, chúng tăng cường bao vây và dùng các đội com-măng-đô (biệt kích) bất ngờ thọc sâu phá hoại. Đặc điểm nổi bật trong hoạt động của địch giai đoạn này là triển khai thực hiện chiến thuật Đờ La-tua, xây dựng hàng ngàn đồn bót tháp canh trên các trục lộ giao thông, các cửa khẩu và xung quanh căn cứ của ta. Đến cuối năm 1949, hệ thống tháp canh được thiết lập tương đối hoàn chỉnh trên toàn

chiến trường miên Đông.[1]

Xung quanh chiến khu Đ, chúng dựng lên hàng loạt tháp canh nối liền nhau. Trên đường 16, từ Tân Ba lên thị trấn Tân Uyên đến sở cao su Phước Hòa, dọc lộc 24: từ Cây Đào đến Rạch Đông, xa hơn: dọc liên tỉnh lộ 14 và quốc lộ 13... tháp canh địch mọc lên dày đặc, tạo thành một vành đai bao bọc chiến khu từ cả 3 phía bắc, tây và nam. Các tháp canh này vừa làm nhiệm vụ bảo vệ giao thông của chúng, vừa ngăn chặn giao thông của ta, cô lập chiến khu Đ; đồng thời làm chỗ dựa để tổ chức thường xuyên các trận càn vào chiến khu, dựng thêm tháp canh mới, mở rộng phạm vi kiểm soát, lấn dần vào căn cứ.

Ngày 25 tháng 8 năm 1949, Xứ ủy Nam Bộ triệu tập hội nghị đề ra nhiệm vụ quân sự trong tình hình mới. Kế đó ngày 28 tháng 9, chấp hành nghị quyết Xứ ủy, Bộ Tư lệnh Nam Bộ triệu tập hội nghị quân sự mở rộng toàn Nam Bộ, chủ trương chuẩn bị mọi điều kiện để chuyển mạnh sang tổng phản công với phương châm "du kích chiến là chính, vận động chiến là phụ trợ, đẩy mạnh vận động chiến đến tới". Đồng chí Lê Duẩn Bí thư Xứ ủy Nam bộ đã đến dự hội nghị và đọc một bản báo cáo quan trọng, nêu lên những nhiệm vụ cơ bản trước mắt là: chấn chỉnh bộ máy chỉ huy, xây dựng 3 thứ

quân, rèn luyện bộ đội, tổ chức lại bộ máy quân giới quân nhu, gia tăng công tác chính trị địch vận tuyên truyền, đẩy mạnh phong trào thi đua giết giặc lập công. Hội nghị đã đề ra 3 chính sách quân sự trong giai đoạn này là: phá chính sách quân sự, chính trị, kinh tế của địch; đưa du kích tiến lên vận động chiến, đẩy mạnh vận động chiến tiến tới với phương châm đại đội độc lập, tiểu đoàn tập trung; ra sức xây dựng căn cứ địa.

Đối với Khu 7, hội nghị đề ra nhiệm vụ cụ thể là phá các trục đường giao thông quan trọng các khu vực kinh tế cao su, xây dựng chiến khu Đ và đẩy manh công tác võ trang tuyên truyền vào vùng dân tộc thiểu số.

Hội nghị quân sự Nam Bộ đã làm cho cán bộ các cấp các ngành quán triệt được nhiệm vụ của Đảng ta trong giai đoạn cách mạng mới. Đối với chiến khu Đ, đó là nhiệm vụ giữ vững và mở rộng căn cứ, đảm nhận được vai trò địa bàn huấn luyện nâng cao chất lượng bộ đội và du kích, đáp ứng với nhu cầu phát triển của tình hình.

Sau hội nghị quân sự Nam Bộ, tại chiến khu Đ, Bộ Tư lệnh Khu 7 chỉ đạo lập thêm các khu vực dân cư ở phía bắc và tây bắc căn cứ, kết hợp với các trại sản xuất "làm căn bản cho việc xây dựng căn cứ". Một cuộc vận động đồng bào từ vùng tạm bị chiếm vào chiến khu được triển khai. Nhiều gia đình có người đi kháng chiến bị địch o ép, nhiều đảng viên, du kích mật bị lộ... đã vào chiến khu. Công đoàn ngành cao su

---

[1] Đờ La-tua (Pier Boyer De Latour Du Moulin) là một tướng có kinh nghiệm về bình định lãnh thổ được Pháp đưa sang Sài Gòn tháng 7 năm 1947 thay tướng Ny-ô để hòng cứu vãn tình hình. Sách lược của Đơ La-tua gồm 5 điểm: a) Rút bỏ những khu vực hẻo lánh khó cầm giữ, b) dùng công giáo vũ trang chống Việt Minh, c) hợp tác với các giáo phái Cao Đài, Hòa Hảo, d) dùng chiến thuật đồn bót tháp canh, e) bao vây căn cứ Đồng Tháp, căn cứ chiến khu Đ, kiểm soát vùng kinh tế Hậu Giang. Nội dung của chiến thuật tháp canh là tổ chức phòng vệ vững chắc các trục lộ giao thông và vùng kinh tế quan trọng, tạo thành một hệ thống ô vuông kiểm soát thường xuyên các trục lộ giao thông và vùng kinh tế chính, bảo vệ các đoàn xe, chia cắt khống chế hoạt động của ta. Tháp canh hình vuông, có cạnh 4 - 5 m, xây bằng gạch cao 8 - 10 m. Xung quanh được bao bằng lũy đất dày có vách ken và lỗ châu mai, bên ngoài có hào lũy, chông mìn, kẽm gai, thả chó, ngỗng. Mỗi tháp canh cách nhau 1 km có thể báo hiệu chi viện cho nhau. Giữa 5 - 7 tháp canh có 1 tháp canh mẹ. Tháp canh mẹ được xây dựng kiên cố hơn, xung quanh chu vi phòng thủ có lô cốt chiến đấu, giữa có lô cốt chỉ huy. Mỗi tháp canh còn có từ 1 bán đội đến 1 tiểu đội tăng cường với trang bị vũ khí đầy đủ. Riêng tháp canh mẹ có thêm hỏa lực cầu vồng để bắn hỗ trợ và được trang bị máy truyền tin chỉ huy.

Biên Hòa vận động hàng ngàn công nhân tới định cư. Riêng huyện Xuân Lộc vận động được 2.000 gia đình. Trên cơ sở đó, một số xã mới ra đời như Cộng Hòa, Dân Chủ, Sông Lô trên dọc Vàm Sông Bé, Hàn Dài, Thuộc Nghĩa.

Thực hiện nghị quyết hội nghị cán bộ quân sự Nam Bộ, phòng dân tộc thiểu số Khu 7 được thành lập tại chiến khu Đ. Phòng đã tổ chức từng đoàn vũ trang tuyên truyền vào các buôn sóc người SêTiêng, Chơ Ro ở phía bắc và đông bắc chiến khu làm công tác tuyên truyền giác ngộ, gây dựng các cơ sở cách mạng, vận động đồng bào dân tộc xây dựng buôn sóc chiến đấu, tham gia các công tác cách mạng như nuôi dưỡng bảo vệ cán bộ, vận tải liên lạc chống càn bảo vệ căn cứ.

Tiểu đoàn chủ lực 303 Khu 7 sau khi thành lập[1], tháng 8 năm 1949 từ Phú Mỹ chuyển về chiến khu Đ. Tiểu đoàn tiếp tục chấn chỉnh lại tổ chức, bổ sung quân số và tiến hành luyện quân đợt hai. Toàn tiểu đoàn xây dựng đủ 3 đại đội khinh binh và một đại đội trợ chiến, chia ra đóng ở 3 khu vực Lạc An, Bình Mỹ và Phước Vĩnh. Tiểu đoàn làm nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền, giúp đỡ địa phương xây dựng lực lượng du kích và chiến đấu bảo vệ căn cứ của khu.

Cũng cùng thời gian này, thực hiện chỉ thị của Bộ Tư lệnh Nam bộ, các liên trung đoàn được thành lập trên cơ sở hợp nhất các trung đoàn đã có. Trung đoàn 310 (Biên Hòa) và trung đoàn 301 (Thủ Dầu Một) hợp nhất lại, xây dựng thành liên trung đoàn 301 - 310. Đồng chí Nguyễn Văn Thi làm liên trung đoàn trưởng. Toàn liên trung có 1 tiểu đoàn chủ lực và 6 đại đội độc lập hoạt động trên địa bàn các huyện.

Như vậy, trong chiến khu Đ lúc này có hai đơn vị bộ đội mạnh: liên trung đoàn 301 - 310 và tiểu đoàn chủ lực 303.

*

Tháng 10 năm 1949, tướng Săng - xông (Chanson) sang thay Đờ La-tua làm tư lệnh quân đội viễn chinh Pháp tại miền Nam. Săng - xông vẫn tiếp tục sách lược bình định như cũ, đẩy mạnh thực hiện chiến thuật Đờ La-tua tăng cường khả năng kiểm soát và bao vây, càn quét căn cứ.

Một yêu cầu thúc bách đối với ta lúc này là phải tìm mọi biện pháp để diệt được tháp canh của địch, đánh mạnh vào giao thông của chúng và giải tỏa, mở rộng vùng căn cứ.

Tháng 11 năm 1949, tại dốc Bà Nghiêm xã Tân Hòa, Bộ Tư lệnh Khu 7 triệu tập hội nghị chuyên đề đánh tháp canh. Đại diện các đơn vị chủ lực, tỉnh đội, huyện đội và binh công xưởng Khu đã về dự. Trên cơ sở kết luận của hội nghị về phương án bí mật tiếp cận dùng vũ khí tiêu diệt mục tiêu, Bộ Tư lệnh giao nhiệm vụ cho tỉnh đội Biên Hòa tổ chức đánh tháp canh và chỉ thị cho ban quân giới Khu sản xuất loại mìn có khả năng đánh sập tường tháp.

Chấp hành mệnh lệnh của Bộ Tư lệnh Khu, tỉnh đội Biên Hòa tổ chức lớp học đánh tháp canh. Ba trăm du kích ưu tú được chọn từ các huyện về, biên chế thành 50 tổ. Đồng chí Bùi Cát Vũ, tỉnh đội phó tỉnh Biên Hòa cho dựng một tháp canh giả và chỉ

[1] Thành lập tháng 4 năm 1949 do Hoàng Thọ làm chỉ huy trưởng. Sau đó đồng chí Lê Văn Ngọc làm chỉ huy trưởng.

huy luyện tập. Các học viên đã tiến hành luyện tập với tinh thần nghiêm túc hăng hái và tuyệt đối giữ bí mật.

Trong lúc việc tập luyện được tiến hành khẩn trương tại rừng Tân Hòa thì giặc Pháp tổ chức một cuộc càn lớn vàn chiến khu Đ.

Ngày 10 tháng 12, chúng huy động 2.000 quân, có máy bay yểm trợ và bọn gián điệp dẫn đường chia làm 3 hướng chính tấn công vào chiến khu. Từ Phước Hòa, địch chia thành nhiều mũi tiến vào Bà Đã, Suối Voi, phá hủy doanh trại ban sanh sản và xưởng giấy. Một bộ phận khác hợp với quân từ Tân Uyên lên tiến công căn cứ tiểu đoàn 303. Ở hướng Cây Gáo, địch vượt sông bí mật đột nhập xưởng quân giới của ta; đặt mìn phá hủy máy móc và kho dự trữ đạn dược, cơ quan vô tuyến điện và xa nước phát điện. Ở hướng Tân Uyên, địch chia làm 2 mũi: một vào Tân Lợi tìm diệt cơ quan tỉnh, một hợp với bộ phận từ Phước Hòa xuống tiến vào Đất Cuốc, Nhà Nai tìm diệt cơ quan Khu bộ. Bộ đội ta tổ chức đánh nhiều trận diệt được một số xe thiết giáp và nhiều tên địch. Tuy vậy, cuộc càn đã gây cho ta những tổn thất đáng kể về cơ sở lán trại, tài sản, kho tàng trong căn cứ.

Sau cuộc càn của địch, Bộ Tư lệnh Khu 7 họp hội nghị rút kinh nghiệm chống càn, sau đó tổ chức cho các cơ quan đơn vị trong toàn khu học tập tài liệu bản kiểm thảo chống cuộc tấn công của địch vào chiến khu[(1)] do phòng tham mưa soạn thảo.

Sau khi nêu lên những đặc điểm của địch trong hành quân càn quét căn cứ, phân tích sâu sắc các khuyết điểm của ta dẫn đến những thiệt hại đáng kể vừa qua, bản kiểm thảo đã đúc kết những kinh nghiệm về công tác phòng thủ bảo vệ căn cứ. Trước hết, muốn chủ động bảo vệ căn cứ công tác trinh sát nắm địch phải hết sức nhạy bén, chính xác và kịp thời. Trong lấy tin, lấy "ở các bót gần chiến khu không đủ, cần lấy tin tức tại Sài Gòn, Thủ Đức, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, chú trọng đến lúc địch vận chuyển quân, lúc địch còn tập trung xa chiến khu"[(2)]. Cần phải tăng cường hoạt động điều tra xét hỏi, canh gác ở khắp mọi khu vực, "từ lâu, ta chỉ chú trọng canh gác ở mặt trên (mặt sông Đồng Nai) và các đường từ bót Tân Uyên vào chiến khu"[(3)], "phải đặc biệt chú ý đến những nơi hẻo lánh xa xôi có ít người sinh sống lẻ loi trong rừng nhưng có các cơ quan quan trọng"[(4)]. Công tác thông tin về tình hình địch phải nhanh chóng, kịp thời, "lấy tin được phải thông tin trực tiếp cho ban phòng thủ chiến khu", "cần tổ chức một bộ phận liên lạc truyền tin do ban phòng thủ chiến khu quy định"[(5)].

Về đánh địch trong căn cứ, bản kiểm thảo nêu lên các kinh nghiệm chống chiến thuật nghi binh của địch, đánh địch lúc vượt sông, đánh địch ở giữa rừng, ở làng chiến đấu, phục kích đánh các cánh quân lớn, đánh vào tiếp tế của địch, đánh lúc địch đang rút lui... Muốn đánh địch trong căn cứ có kết quả, cần phải đồng thời đẩy mạnh tác chiến đánh địch ngoài căn cứ để thu hút, phân tán địch. Bản kiểm thảo nhấn mạnh cần phải "dùng chiến thuật tiến công để phòng ngự, để một bộ phận vệ quốc đoàn lại chiến khu phối hợp với du kích đánh phá quấy rối địch, ta vận động đại bộ phận tới

---

[(1)] Nguyên văn tên tài liệu: "Bản kiểm thảo cuộc tấn công chiến khu Lạc An từ ngày 10 đến ngày 16 tháng 12 năm 1 949".
[(2, 2, 3, 4)] Tài liệu đã dẫn. Hồ sơ 14 phòng Khu 7, kho lưu trữ Bộ Quốc Phòng

sát chân thành và xuất kỳ bất ý tấn công các điểm bỏ trống hay là tấn công vào trung tâm châu thành. Nếu thắng lợi, ta có thể thâu được nhiều chiến lợi phẩm: như đạn dược. Nếu không thắng lớn hoàn toàn, giặc cũng hoang mang phải rút quân tấn công chiến khu gấp để bảo vệ châu thành và các cứ điểm. Đó cũng là phương pháp giải vây cho chiến khu vậy"[1].

Bản kiểm thảo chống cuộc tấn công của địch vào chiến khu của Bộ Tư lệnh khu 7 là tài liệu đầu tiên kiểm điểm một cách toàn diện những khuyết điểm về công tác bảo vệ chiến khu Đ trong thời gian qua, nêu lên những bài học kinh nghiệm bổ ích, góp phần vạch ra phương hướng về công tác xây dựng và bảo vệ chiến khu trong thời gian tới.

Sang đầu năm 1950, mọi công tác chuẩn bị đánh tháp canh đã hoàn tất. Các học viên đã được tập luyện một cách thành thục và sẵn sàng nhận nhiệm vụ. Ban quân giới Khu cải tiến xong một loại mìn đem nổ thử ở lò đường cũ tại Lạc An thu được kết quả tốt. Tỉnh đội Biên Hòa quyết định tiến hành trận đánh.

Đêm 21 rạng ngày 22 tháng 3 năm 1950, 50 tổ du kích đồng loạt đánh 50 tháp canh dọc các lộ 24, 16, 15 và quốc lộ 1. Kết quả, cả 50 tháp canh đều bị thủng 1 lỗ nhưng không cái nào bị sập. Bọn lính ngủ trong tháp bị chết, riêng tên gác trên sàn nóc còn sống đã dùng súng và lựu đạn đối phó lại ta.

Trận đánh 50 tháp canh tuy không thu được kết quả mong muốn nhưng đã gây một tác động mạnh đối với địch[2], kích thích tinh thần hăng hái diệt tháp canh của chiến sĩ ta.

Sau trận đánh Bộ Tư lệnh Khu 7 cùng với tỉnh đội Biên Hòa mở hội nghị rút kinh nghiệm, khẳng định tính ưu việt kỹ thuật bí mật tiếp cận đánh tháp canh. Hội nghị bổ sung hoàn chỉnh cách đánh mới: sau khi cho nổ FT, đưa thêm một quả mìn Pêta qua lỗ thủng cho nổ tiếp từ bên trong để đánh sập tường tháp. Ban quân giới khu lại được giao nhiệm vụ sản xuất mìn FT và Pêta, và đội du kích Tân Uyên được giao nhiệm vụ đánh thử nghiệm một tháp canh theo phương pháp mới.

Đêm 18 tháng 4 năm 1950, một tổ du kích Tân Uyên do đồng chí Bùi Cát Vũ và đồng chí Trần Công An chỉ huy đột nhập tháp canh mẹ tại cầu Bà Kiên nằm trên đường 16. Theo phương pháp đánh mới, 2 quả mìn FT và Pêta đã đánh sập tháp canh, diệt hoàn toàn bọn lính trong tháp, thu toàn bộ vũ khí.

Sau trận Bà Kiên, du kích Tân Uyên phối hợp với đại đội Bạch Đằng diệt tháp canh Vàm Giá nằm trên đường 14 án ngữ một cửa ngõ quan trọng vào chiến khu Đ. Trong trận này, ta diệt 1 trung đội lê dương, thu 1 súng cối 81 ly, 1 đại liên 12 ly 7, hàng tấn đạn dược và lương thực thực phẩm.

Trận cầu Bà Kiên và trận Vàm Giá đã khẳng định thắng lợi của cách đánh mới mở ra khả năng đánh bại chiến thuật tháp canh của địch.

---

[1] Tài liệu đã dẫn

[2] Ngay ngày hôm sau, trên báo "Dân quyền" số thứ 6 - 22 Mars năm 1950, Thông tin quân đội Pháp buộc phải ra thông cáo thú nhận: "Trên 30 tháp canh đồng bị tấn công và có nhiều chỗ bị tấn công mãnh liệt". Tên tướng Săng-xông phải đích thân đến Biên Hòa để trấn an tinh thần bọn binh lính. Sau trận này, để đánh đòn cân não vào bọn lính giữ tháp canh, Bộ Tư lệnh Khu 7 cho in thông cáo nói về việc ta mới sáng chế một loại vũ khí đánh tháp canh có sức công phá lớn gọi là FT. Từ FT (có nghĩa là phá tường) ra đời từ đây.

Xung quanh chiến khu Đ, từ sau tháng 4 năm 1950 trở đi, ta tiếp tục diệt nhiêu tháp canh khác. Chiến khu phá vây và mở rộng thêm.

Phong trào diệt tháp canh từ đây lan rộng ra toàn tỉnh, ra toàn Khu 7 và trên nhiều chiến trường khắp cả nước. Tại chiến khu Đ, Khu và tỉnh mở các lớp huấn luyện đánh tháp canh cho cán bộ bộ đội và du kích khắp nơi về học. Nhiều cán bộ của tỉnh Biên Hòa còn đi phổ biến kinh nghiệm cho chiến trường miền tây Nam Bộ và ra chiến trường miền Trung và miền Bắc. Kỹ thuật đánh tháp canh được bộ đội ứng dụng rộng rãi trong đánh lô cốt, đồn bót, cầu cống, kho tàng, hình thành một cách đánh đặc biệt gọi là chiến thuật đặc công[1]. Từ đấy, bộ đội đặc công ra đời.

Một binh chủng mới hình thành: binh chủng đặc công. Bộ đội đặc công sau này được Bác Hồ gọi là Bộ đội đặc biệt tinh nhuệ.

Chiến thuật tháp canh Đờ La-tua của địch bị giáng một đòn mạnh mẽ. Chiến khu Đ - Biên Hòa trở thành nơi khởi đầu cách đánh đặc công.

*

Trong nửa đầu năm 1950, các đại đội thuộc tiểu đoàn chủ lực 303 và liên trung đoàn 301 - 310 từ chiến khu Đ tiến ra ngoài, tổ chức các trận đánh trên đường giao thông 13, 14, 15, 16, 20, đường sắt Sài Gòn - Lộc Ninh... gây cho địch nhiều thiệt hại, làm gián đoạn sự vận chuyển đi lại của chúng. Ở vùng du kích và tạm bị chiếm, các đội du kích hoạt động đều và thu được những kết quả đáng kể.

Tháng 4 năm 1950, tiểu đoàn 303 hành quân lên vùng đồng bào dân tộc thiểu số ở phía đông bắc chiến khu, phối hợp với đội công tác của tỉnh và khu làm nhiệm vụ vũ trang tuyên truyền, xây dựng cơ sở quần chúng, phát triển du kích chiến tranh. Tiểu đoàn đã bước đầu xây dựng được chính quyền cách mạng ở một số xã như Bù Cháp, Bù Rưng, Bù Tôn, Bù Tết.

Đến giữa năm 1950 tình hình quân sự trên chiến trường miền Đông đã có nhiều chuyển biến. Bộ đội tổ chức được những trận đánh tốt và thu được thắng lợi. Chiến tranh du kích được giữ vững. Các lực lượng vũ trang tiến một bước rõ rệt.

Tháng 6 năm 1950, Trung ương Đảng và Chính phủ quyết định mở chiến dịch Biên giới nhằm tiêu diệt một bộ phận sinh lực quan trọng của địch, giải phóng một phần đất đai, củng cố và mở rộng căn cứ địa Việt Bắc. Tháng 7, Bộ Tư lệnh Nam Bộ chỉ đạo củng cố thêm một bước lực lượng vũ trang ba thứ quân, tập trung xây dựng chủ lực mạnh, xây dựng bộ đội địa phương tỉnh, huyện, phát triển dân quân du kích, kiện toàn các cơ quan chỉ đạo khu, tỉnh đội, huyện đội. Tháng 9, ta tiến hành tổ chức bố trí lại chiến trường, sắp xếp chấn chỉnh lại lực lượng. Khu Sài Gòn - Chợ Lớn và Khu 7 sáp nhập lại gồm 6 tỉnh[2] do đồng chí Trần Văn Trà làm tư lệnh kiêm chính ủy khu, đồng chí Tô Ký và đồng chí Huỳnh Văn Nghệ phó tư lệnh, đồng chí Lê Đức Anh tham mưu trưởng. Cơ quan khu bộ đóng tại Long Nguyên. Trên chiến trường miền Đông, trung đoàn chủ lực Đồng Nai được thành lập do đồng chí Trần Đình Xu làm

---

[1] Đặc công là tên do Báo Hồ đặt, có nghĩa là "tấn công đặc biệt". Lúc đó ở chiến khu Đ ta gọi là: "đánh tháp canh (đồn bót) bằng kỳ tập"

[2] Bà Rịa, Biên Hòa, Thủ Dầu Một, Gia Định, Chợ Lớn, Tây Ninh. Riêng thành phố Sài Gòn và các huyện vùng ven phía bắc tách ra thành lập đặc khu Sài Gòn - Chợ Lớn - Gia Định. Bộ Tư lệnh đặc khu gồm có: tư lệnh: đồng chí Nguyên Văn Thi, chánh ủy: đồng chí Nguyễn Văn Linh, phó tư lệnh: đồng chí Nguyễn Hộ, tham mưu trưởng; đồng chí Trần Hải Phụng.

trung đoàn trưởng. Các tỉnh đều thành lập một tiểu đoàn địa phương và bộ đội chủ lực. Mỗi huyện có 1 đại đội địa phương.

Trên địa bàn chiến khu Đ, du kích tập trung Tân Uyên xây dựng thành đại đội bộ đội địa phương huyện, lấy tên là đại đội Nguyễn Văn Nghĩa.

Để phối hợp với các chiến dịch lớn đang mở rộng trên chiến trường cả nước. Bộ Tư lệnh Khu quyết định mở chiến dịch Bến Cát vào tháng 10 năm 1950. Đây là chiến dịch tiến công quy mô lớn đầu tiên của bộ đội chủ lực ta trên chiến trường miền Đông. Khắp nơi, công tác chuẩn bị mọi mặt cho chiến dịch được triển khai sôi nổi, khẩn trương.

Tại chiến khu Đ, các đơn vị bộ đội địa phương chuẩn bị mở đợt tiến công phối hợp thu hút địch. Nhân dân trong chiến khu phát động trong trào hũ gạo nuôi quân. Các hội mẹ chiến sĩ, hội phụ nữ vận động các hội viên quyên góp lương thực, thực phẩm và các vật dụng sinh hoạt ủng hộ bộ đội.

Chiến dịch Bến Cát giành được thắng lợi, tiêu diệt một bộ phận sinh lực và phương tiện chiến tranh của địch, đánh mạnh vào hệ thống đồn bót tháp canh của chúng xung quanh chiến khu Long Nguyên và dọc tuyến hành lang từ chiến khu Đ lên chiến khu Dương Minh Châu, cổ vũ tinh thần kháng chiến của nhân dân ta.

Sau chiến dịch, vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang của ta bộc lộ nhiều nhược điểm. Công tác bảo đảm hậu cần và cung cấp vũ khí không theo kịp hướng phát triển lên quy mô lớn trong các đơn vị chủ lực. Bộ đội địa phương và du kích chưa thật mạnh. Phong trào địa phương gặp nhiều khó khăn. Sau thất bại tại chiến trường Biên giới, được Mỹ giúp sức, Bộ chỉ huy Pháp tại miền Nam quyết định tổ chức đánh sâu vào một số vùng căn cứ kết hợp mở đường thành lập thêm tháp canh, tạo điều kiện bàn giao trách nhiệm bình định lãnh thổ cho lính ngụy để điều quân chính quy ra miền Bắc. Đối với chiến khu Đ, chúng tăng cường phong tỏa, bao vây kinh tế, hành quân càn quét với lực lượng hàng tiểu đoàn kết hợp với các đội commăngđô và dùng không quân ném bom. Xung quanh, chúng chiếm thêm những vùng đất và đoạn đường giao thông quan trọng.

Cuối năm 1950, Xứ ủy và Bộ Tư lệnh Nam Bộ từ miền Tây chuyển lên chiến khu Đ, đóng ở khu vực rừng Bà Sầm. Nhưng ở chiến khu Đ gặp nhiều khó khăn, tháng 3 năm 1951, Bộ Tư lệnh lại phải dời về chiến khu Dương Minh Châu, nơi có khả năng ổn định hơn về vị trí đứng chân, nguồn tiếp tế và giáp giới với căn cứ đông Cam-pu-chia.

*

Tóm lại, từ đầu năm 1947 đến cuối năm 1950, chiến khu Đ đã được từng bước xây dựng và củng cố thành một căn cứ địa cách mạng quan trọng của tỉnh Biên Hòa và Khu 7. Với nhiệm vụ bảo vệ địa bàn đứng chân, tổ chức huấn luyện và xuất phát tấn công địch, bảo vệ dự trữ mọi mặt cho cuộc kháng chiến, dù gặp muôn vàn thử thách gay go, quân và dân tại chiến khu đã góp phần quan trọng đánh phá có hiệu quả chính sách bình định của địch, củng cố vùng căn cứ.

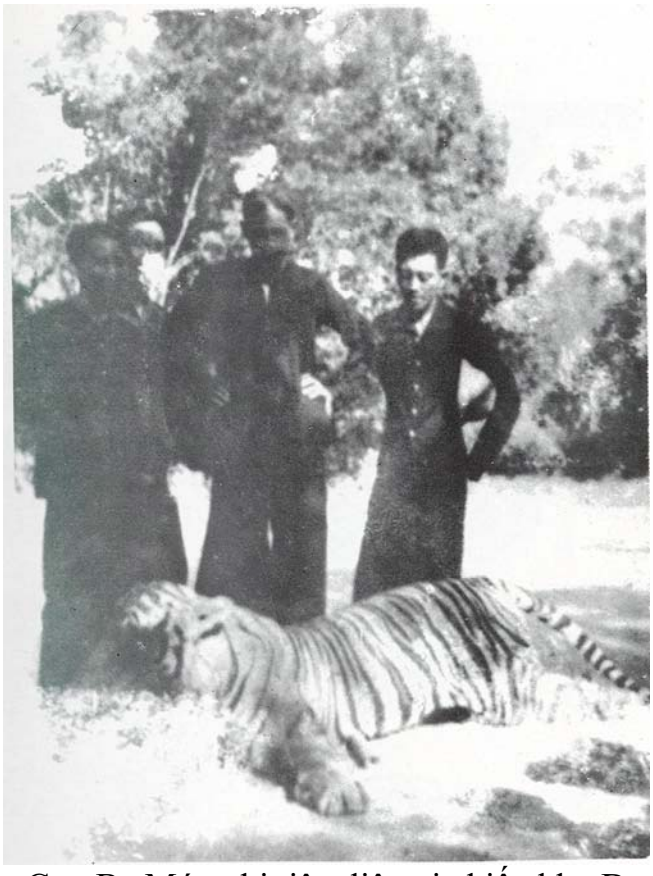

Cọp Ba Móng bị tiêu diệt tại chiến khu Đ

Ảnh tư liệu QK7

Du kích người dân tộc Xtiêng tuần tra bảo vệ căn cứ.

Ảnh tư liệu QK 7

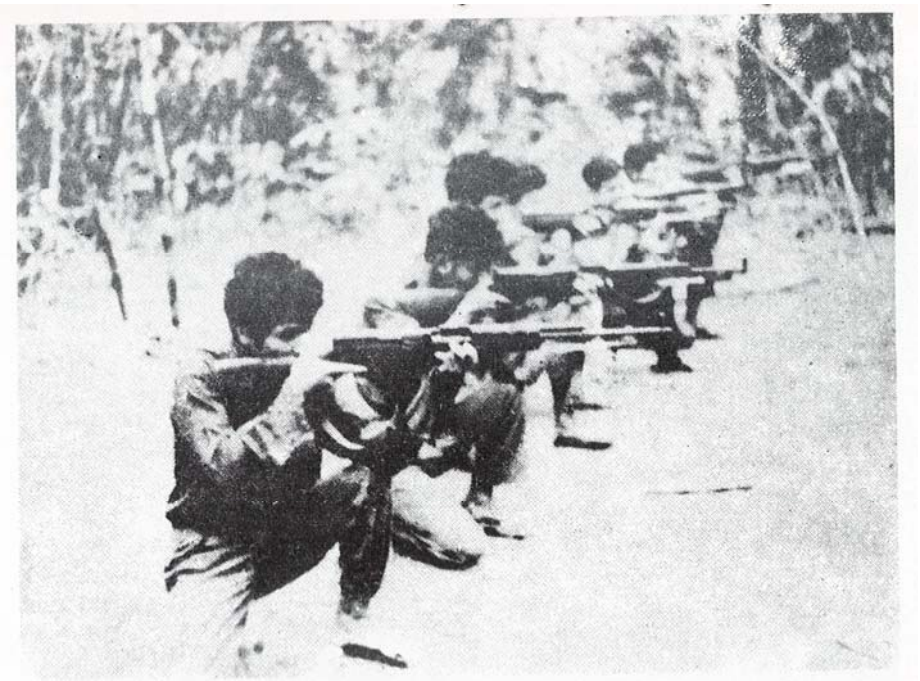

Du kích xã 6 (Bù Gia Mập) tập luyện quân sự.

Ảnh tư liệu QK 7

Du kích xã 2 (Bù Khơn) thu hoạch lúa trong căn cứ.

Ảnh tư liệu QK 7

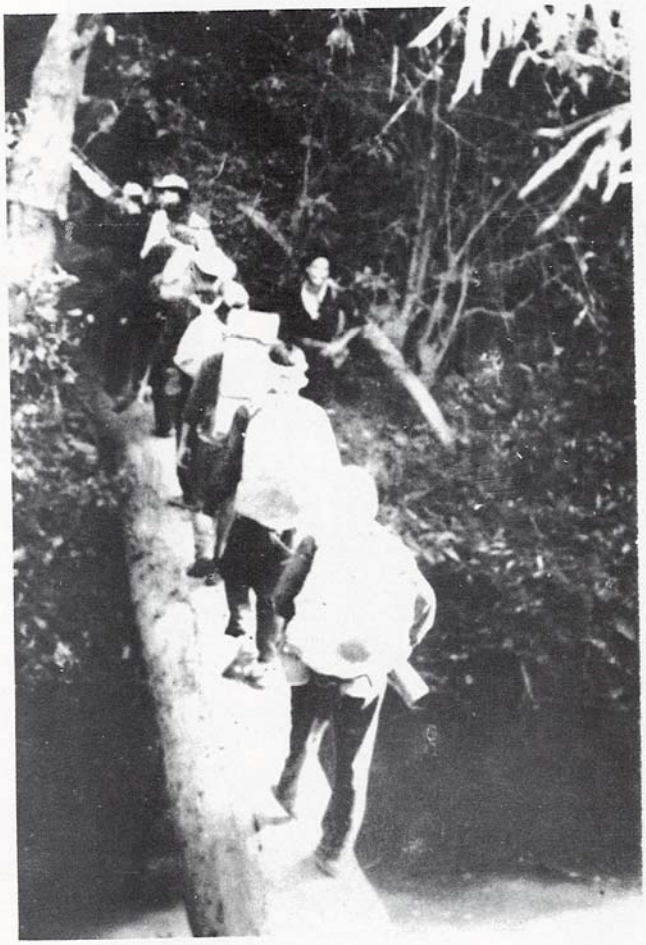

Tải ĐKP từ Chiến khu Đ đánh sân bay Biên Hòa.

Ảnh : Phạm Minh

Bộ chỉ huy quân sự miền Đông Nam Bộ làm phương án tác chiến.

Ảnh : Phạm Minh

Khu ủy miền Đông Nam Bộ triển khai công tác.

Ảnh : Phạm Minh

Khu ủy miền Đông Nam Bộ triển khai công tác về cơ sở.

Ảnh : Phạm Minh

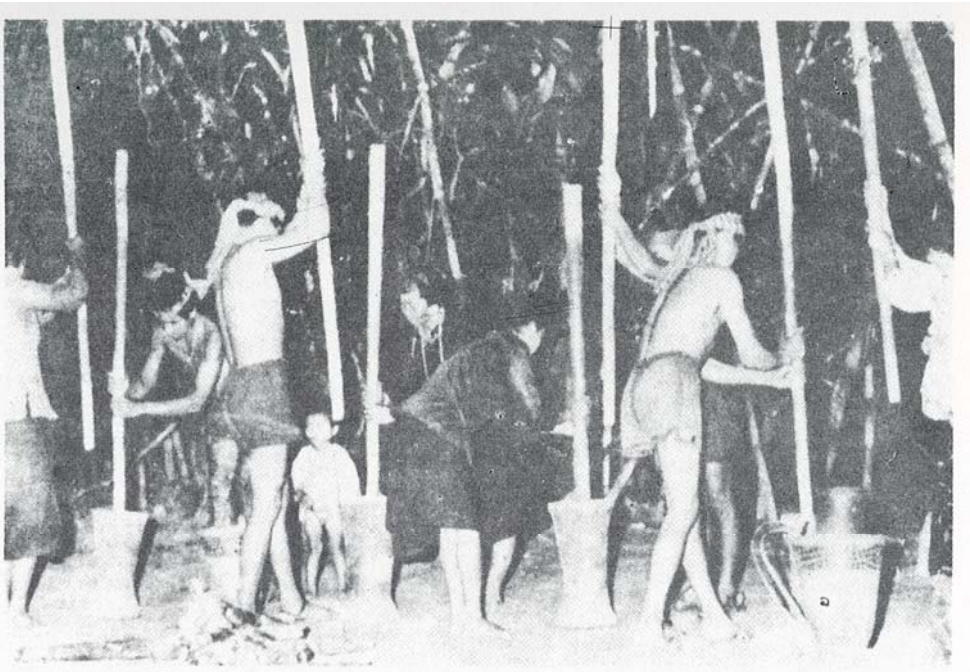

Đồng bào dân tộc Xtiêng ở xã 5 giã gạo chuẩn bị cho chiến dịch xuân Mậu Thân 1968.

Ảnh tư liệu QK 7

Một buổi liên hoan mừng công của nhân dân và bộ đội tại căn cứ.

Ảnh tư liệu QK 7

Xem triển lãm tại căn cứ năm 1969.

Ảnh tư liệu QK 7

Khu ủy miền Đông sau khi thành lập lại tháng 10 năm 1972. Người đứng thứ 3 (từ trái qua) là đồng chí Lê Quang Chữ Bí thư khu ủy.

Ảnh tư liệu

Sang đầu năm 1951, chiến khu Đ bước vào thời kỳ gay go ác liệt hơn. Tình hình đòi hỏi phải có sự phân bố lại lực lượng, tổ chức lại chiến trường, giải tỏa căn cứ bằng mọi biện pháp để góp phần tiếp tục đưa cuộc kháng chiến đi lên.

CHƯƠNG BA

XÂY DỰNG HOÀN CHỈNH CĂN CỨ ĐỊA. KHẮC PHỤC THIÊN TAI, TẠO THẾ , TẠO LỰC PHỐI HỢP VỚI CHIẾN TRƯỜNG CHÍNH (1951-1954)

1. PHÁT TRIỂN CHIẾN KHU Đ THÀNH CĂN CỨ CỦA NAM BỘ.

Từ năm 1951, mặc dù gặp phải hàng loạt khó khăn, thực dân Pháp vẫn tiếp tục đẩy mạnh thực hiện âm mưu bình định Nam Bộ, biến Nam Bộ thành hậu phương của chúng, ra sức phá hoại ta, cướp giựt, vơ vét nhân tài vật lực cung cấp cho cuộc chiến tranh.

Kế hoạch của Bộ chỉ huy quân đội Pháp tại Nam Bộ là giành quyền chủ động, mở các cuộc hành quân càn quét, hướng cố gắng chủ yếu vào việc tiêu diệt lực lượng cách mạng ở Đồng Tháp Mười và dọc theo sông Cửu Long, kiểm soát chặt chẽ Khu 8, cắt đứt Nam bộ ra làm hai vùng độc lập đông và tây.

Sau chiến dịch biên giới, nhiệm vụ chung của ta ở Nam Bộ là chủ động kìm chế địch, đẩy mạnh kháng chiến trên cơ sở nắm vững phương châm, du kích chiến là chính, học tập đánh vận động chiến, đẩy mạnh vận động chiến tiến tới.

Để phù hợp với điều kiện chiến trường và tình hình chung, tháng 5 năm 1951, Trung ương Cục miền Nam quyết định bố trí lại chiến trường, lấy sông Tiền Giang làm ranh giới chia Nam Bộ thành hai phân khu: phân Liên khu miền Đông và phân Liên khu miền Tây. Đồng thời Trung ương Cục quyết định thay đổi lại tổ chức, bố trí lại lực lượng, kiện toàn cấp lãnh đạo ở tỉnh và cấp thực hành ở huyện xã[(1)].

Cuộc kháng chiến đang bước vào thời kỳ gay go quyết liệt, đòi hỏi chỗ đứng chân vững chắc và khả năng tạo ra, dự trữ, cung cấp kịp thời các nhu cầu về nhân tài vật lực ngày càng cao. Căn cứ vào tình hình cụ thể ở Nam Bộ, Trung ương Cục chủ trương đẩy mạnh công tác xây dựng căn cứ địa cho từng chiến trường và cả Nam Bộ. Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ ra chỉ thị cụ thể trong năm 1951 "Phải gấp rút xây dựng và kiện toàn căn cứ địa, nhất là căn cứ địa về mọi mặt quân sự, kinh tế, chính trị, văn hóa. Yếu tố chính trong việc xây dựng căn cứ địa là quần chúng nhân dân phải thấy rõ thành trì cách mạng, phải lo xây dựng trong từng người, trong dân

---

(1) Theo chủ trương trên, tỉnh Biên Hòa và tỉnh Thủ Dầu Một sáp nhập lại thành tỉnh Thủ Biên. Cán bộ cấp tỉnh được tăng cường xuống cấp huyện, cấp huyện xuống cấp xã, cấp trưởng xuống cấp phó. Các cơ quan ban ngành được kiện toàn lại một bước. Tỉnh Thủ Biên thành lập tiểu đoàn chủ lực 303. Tại miền Đông, trung đoàn Đồng Nai giải thể, các tiểu đoàn phân tán về hoạt động tại cáo địa phương.

cày. Nhưng trong bước đường gây dựng bộ đội, trong việc chống lại cơ giới của địch, ta cũng biết lợi dụng thiên nhiên rừng núi, ao hồ để phối hợp với sức người"[1]. Nghị quyết quân sự năm 1951 của Bộ Tư lệnh Nam Bộ cũng nhấn mạnh "củng cố và mở rộng căn cứ địa của Nam Bộ và các khu... Phải thành lập ban căn cứ địa của Nam Bộ hiện nay. Củng cố và xây dựng căn cứ địa mỗi tỉnh"[2].

Nội dung chỉ thị về việc xây dựng căn cứ địa cho Nam Bộ nêu trên có tác dụng chỉ ra tính cấp thiết và những nội dung cụ thể về việc xây dựng căn cứ. Công tác xây dựng căn cứ địa từ đây được đặt ra như một trong những nhiệm vụ quan trọng của cuộc kháng chiến ở tầm cấp Nam Bộ.

Tháng 5 năm 1951, thực hiện chủ trương trên, ban căn cứ địa Nam Bộ được thành lập do đồng chí Nguyễn Văn Trí làm trưởng ban (gọi là ủy trưởng căn cứ địa). Tại chiến khu Đ, ban căn cứ địa Nam Bộ họp hội nghị đề ra nội dung phương hướng xây dựng căn cứ trong tình hình mới. Hội nghị đã xác định xây dựng một hệ thống căn cứ địa chính cho toàn chiến trường Nam Bộ gồm có: Chiến khu Đ, chiến khu Dương Minh Châu, chiến khu Đồng Tháp Mười và chiến khu U Minh.

Tại chiến khu Đ, ban căn cứ địa Nam Bộ do đồng chí Đào Văn Quang trực tiếp phụ trách phối hợp với ban căn cứ địa tỉnh Thủ Biên do đồng chí Vũ Duy Hạnh làm trưởng ban đã xúc tiến việc xây dựng mở rộng và hoàn thiện căn cứ, phát triển Chiến khu Đ từ căn cứ của tỉnh Biên Hòa và Khu 7 lên thành một trong những căn cứ chính của Nam Bộ. Hội nghị xác định việc nâng cấp căn cứ không chỉ đơn thuần bảo đảm địa bàn đứng chân cho cơ quan cấp trên mà phải tập trung xây dựng chiều sâu một cách toàn diện, đưa căn cứ ở vào thế chiến lược liên hoàn trong phạm vi chiến trường toàn miền.

Tháng 7 năm 1951, trên địa bàn chiến khu Đ, huyện căn cứ Đồng Nai trực thuộc tỉnh Thủ Biên được thành lập trên cơ sở sáp nhập một số xã căn cứ của huyện Tân Uyên với huyện Hớn Quản. Đồng chí Lê Thái được chỉ định làm bí thư huyện ủy. Kỹ sư Trịnh Đình Hoa làm chủ tịch Ủy ban Kháng chiến Hành chánh huyện. Huyện đội bộ do đồng chí Nguyễn Văn Tư (Tư Râu) làm huyện đội trưởng kiêm trưởng ban căn cứ địa huyện. Trong huyện, các xã cũ sáp nhập lại thành những xã mới... Lập thêm một xã mới ở vùng Bà Đã, Sình, Đất Cuốc, Đất Đạo gọi là xã Thanh Lâm.

Phạm vi chiến khu Đ lúc này cũng có nghĩa là phạm vi huyện căn cứ Đồng Nai được mở rộng, có diện tích khoảng 3.700km^2. Dân số khoảng 10.000 người. Sự thành lập huyện căn cứ và sắp xếp lại các xã nói trên đã góp phần định lại căn cứ về mặt hành chánh, tạo điều kiện thuận lợi trong việc chỉ đạo và tổ chức thực hiện nhiệm vụ đặc biệt của vùng căn cứ địa này.

Để bảo đảm cho việc bố phòng bảo vệ căn cứ, huyện Đồng Nai chia ra làm 6 khu vực. Mỗi khu vực thành một mặt trận trong đó có nhiều xã, cơ quan, nông trường[3], công trường[4], do các trạm trinh sát quân báo phụ trách. Tại các khu vực căn cứ đều

---

[1] Chỉ thị về âm mưu hoạt động của địch và nhiệm vụ của Nam Bộ trong năm 1951 của Ủy ban Kháng chiến Hành chánh Nam Bộ. Hồ sơ 43 phòng Nam Bộ. Kho lưu trữ Bộ quốc phòng.

[2] Nghị quyết quân sự năm 1951 của Bộ Tư lệnh Nam Bộ. Hồ sơ đã dẫn.

[3] Danh từ chỉ trại sản xuất nông nghiệp.

[4] Danh từ chỉ binh công xưởng.

có hệ thống nhà lắp ghép (bằng cây, lá) với đường sá ngay thẳng, thuận lợi. Bộ đội địa phương Nguyễn Văn Nghĩa chuyển sang làm nhiệm vụ bảo vệ căn cứ, quân số có 120 người chia làm 3 trung đội hoạt động trên các khu vực của huyện. Tiểu đoàn bảo vệ 295[1] và đại đội Nguyễn Văn Nghĩa được sự phối hợp của tiểu đoàn chủ lực 303 chủ yếu làm nhiệm vụ bảo vệ căn cứ. Các xã, cơ quan, nông trường, công trường trong khu vực căn cứ đều tổ chức đội du kích từ 1 tổ đến 1 trung đội tùy theo quân số biên chế. Tổng số du kích trong chiến khu có 350 người. Các đội du kích được vũ trang bằng các loại vũ khí thô sơ và huấn luyện về kỹ, chiến thuật chiến đấu, các phương án tác chiến chống càn.

Hệ thống vật cản phòng thủ bằng hầm hố chông, cần bật, lựu đạn gài được thiết lập. Những nơi dự kiến địch có thể nhảy dù hoặc dùng xe cơ giới đi tới đều được chôn cọc và đặt các loại mìn chống tăng. Mọi cửa ngõ vào chiến khu, đặc biệt ở mặt sông Đồng Nai đều có trạm gác của các tổ du kích. Mạng lưới trinh sát thông tin được hình thành khá chặt chẽ giữa các tổ trinh sát chuyên môn của quân báo, công an và các cơ sở trong nhân dân.

Các huyện xung quanh chiến khu Đ đều xây dựng tuyến giao thông liên lạc về chiến khu và thành lập đội bảo vệ giao thông làm nhiệm vụ trinh sát đánh địch, dẫn đường bảo vệ giao thông liên lạc và khi cần thì trực tiếp tham gia vận chuyển từ các huyện về chiến khu và ngược lại. Các đội bảo vệ giao thông các tuyến chiến khu Đ - Bến Cát, chiến khu Đ - Thủ Đức, chiến khu Đ - Thuận An Hòa và chiến khu Đ - Bà Ria hoạt động khá đều đặn.

Công tác tăng gia sản xuất được củng cố đổi mới một bước. Ban căn cứ địa Đồng Nai tiến hành quy hoạch phần đất cho các đơn vị lập nông trường sản xuất. Tỉnh Thủ Biên lập ban sản xuất tại chiến khu Đ để lo cung cấp cho tiểu đoàn chủ lực và liên xưởng tỉnh. Các bộ phận sản xuất của Phân liên khu, các cơ quan, đơn vị bộ đội đều tổ chức sản xuất lương thực ở các rẫy gần cơ quan đơn vị và có trại sản xuất ở xa như Sình, Hàn Dài, Vĩnh An, Mã Đà, Bà Hào...

Công trường căn cứ địa Đồng Nai được thành lập làm nhiệm vụ sản xuất sửa chữa vũ khí phục vụ cho công tác bảo vệ căn cứ như sửa súng, nhồi đạn, làm lựu đạn, chông mìn. Các tổ vũ khí xã được củng cố về mặt tổ chức, trang bị thêm dụng cụ sản xuất và quán triệt phương châm sản xuất các vũ khí thiết thực như làm đạp lôi, bàn chông và các loại nông cụ.

Những sự kiện trên đây ghi nhận một bước tiến mới quan trọng trong công tác xây dựng căn cứ địa ở Nam Bộ. Từ căn cứ của tỉnh Biên Hòa và Khu 7, chiến khu Đ giờ đây trở thành một trong những căn cứ địa cơ bản của cả Nam Bộ, tạo điều kiện quan trọng về địa bàn và thực lực để quân và dân ta bước vào thời kỳ gay go hơn trên chiến trường miền Đông.

*

Giữa năm 1951, tướng Bông-đi (Bondis) sang thay Săng-xông làm tư lệnh lục quân Pháp tại Nam Bộ. Bông-đi quyết định tăng cường hơn nữa chính sách bao vây

---

[1] Thành lập tháng 2-1951 do đồngchí Bùi Khánh Ngươi làm chỉ hy trưởng

và triệt hạ căn cứ địa của ta. Trong số 28 tiểu đoàn còn lại ở Nam Bộ, chúng sử dụng 4 tiểu đoàn và 10 chi đội thiết giáp bảo vệ các trục lộ giao thông, 5 tiểu đoàn cơ động hành quân càn quét căn cứ.

Xung quanh chiến khu Đ, giặc Pháp tiến hành thiết lập các hành lang chia cắt, lấn dần. Chúng đóng hàng loạt đồn bót chi khu như Phước Hòa, Tân Ba, Chánh Lưu, Gò Lũy đặt dưới sự chỉ huy của tên quan ba Pháp ở Tân Uyên; lấn chiếm sâu rộng các vùng phì nhiêu như Vĩnh Hòa, Bà Miêu, Bình Đa, Gò Chùa, sở ông Cố đồng thời bao vây kinh tế chặt chẽ, cô lập chiến khu Đ với Sài Gòn, Chợ Lớn và các tỉnh miền Tây. Để tăng cường khả năng vận chuyển cơ động, chúng sửa chữa củng cố hàng loạt đường giao thông chiến thuật và chiến lược như sửa đường, rào lấp bìa rừng, đóng thêm tháp canh, tạo thành một vành đai siết chặt chiến khu Đ.

Tháng 6 năm 1951 địch mở cuộc càn lớn vào chiến khu. Hàng trăm xe cơ giới có pháo binh, tàu chiến và máy bay yểm trợ chia thành 3 mũi tiến công vào Tân Dân, Bà Đã và theo sông Đồng Nai lên Tân Hòa, Tân Tịch. Các tiểu đoàn 295, 303, đại đội bộ đội địa phương huyện và du kích chặn đánh địch quyết liệt. Ở mũi Tân Dân, khoảng 1 tiểu đoàn lính Âu Phi ngủ đêm tại Bàu Bếp bị đại đội 55 tiểu đoàn 303 bất ngờ tập kích gây thiệt hại nặng. Khi bọn này tập trung đưa thương binh lên trực thăng chuẩn bị rút quân, đại đội bộ đội địa phương huyện dùng súng cối bắn 1 viên đạn trúng đội hình giặc, làm bị thương nặng tên Pan-ren chỉ huy cuộc càn - nguyên chỉ huy đội biệt kích khét tiếng gian ác ở thị xã Biên Hòa - về đến nhà rồi chết. Mũi ở Bà Đã bị đại đội 55 tiểu đoàn 303 tập kích lúc mờ sáng, một đại đội lính lê dương thiệt mạng. Trên đường 16, đội biệt động Thủ Biên diệt 3 xe cơ giới, buộc chúng phải rút chạy bộ lại 13 xe và hàng trăm xác chết. Chiến khu Đ được bảo vệ an toàn.

Đây là trận chống càn lớn đầu tiên sau khi chiến khu Đ được củng cố xây dựng thành căn cứ của cả Nam bộ. Thắng lợi của trận chống càn chứng tỏ những ưu điểm của việc xây dựng bố trí lại địa vực và lực lượng trong căn cứ, khả năng phối hợp chiến đấu giữa bộ đội chủ lực và bộ đội địa phương.

Cùng thời gian này, tại căn cứ Phú Mỹ (Bà Rịa), do địch bao vây chặt và càn quét thường xuyên, tình hình sản xuất của các xưởng quân giới Nam Bộ không ổn định. Bộ Tư lệnh phân liên khu quyết định chuyển phòng quân giới và xưởng công binh Nam Bộ từ Phú Mỹ về chiến khu Đ. Cuộc hành quân vận chuyển máy móc, nguyên vật liệu, kho tàng kéo dài trong hai tháng trời trên quãng đường dài hàng trăm cây số vào mùa mưa gặp nhiều vất vả. Vừa hành quân mang vác vừa đánh địch phục kích, đến tháng 8, các chiến sĩ mới hoàn thành việc di chuyển. Về chiến khu Đ, công việc sản xuất, sửa chữa vũ khí vẫn gặp nhiều khó khăn do địch tập kích, tung gián điệp phá hoại và nhất là thiếu nguyên hóa liệu. Nhiều gia đình, chùa chiền đã tự nguyện đóng góp cả đồ thờ cúng bằng đồng để sản xuất vỏ đạn nhưng vẫn không đáp ứng được nhu cầu sản xuất.

Sang tháng 9 năm 1951, chiến khu Thuận An Hòa bị địch chiếm đóng. Bàn đạp Vĩnh Lợi bị uy hiếp trực tiếp. Một số du kích các xã xung quanh chiến khu Đ biến thành du kích mật. Đường liên lạc giữa chiến khu với các vùng xung quanh luôn luôn bị phục kích. Đường vận tải liên tỉnh từ miền Tây lên rất khó thực hiện vì địch kiểm

soát gắt gao. Chuyến vận tải nào cũng có người hy sinh. Có đơn vị hy sinh quá nửa quân số trong một chuyến công tác vận tải. Nhiều người khi vận tải về đến chiến khu Đ trong bồng chỉ còn vài lon gạo và một ít khô cá kèo, các nguồn vận chuyển lương thực, thực phẩm, hóa liệu, thuốc men về chiến khu bị ngưng trệ, gián đoạn.

Trong chiến khu, tiểu đoàn bảo vệ căn cứ 295 sáp nhập vào đơn vị khác và được điều động về chiến khu Dương Minh Châu. Nhiệm vụ bảo vệ căn cứ giao cho tiểu đoàn 303 và bộ đội địa phương huyện. Các đơn vị bộ đội này thiên về hoạt động tác chiến đánh địch ngoài căn cứ như đánh giao thông, cứ điểm. Lực lượng cơ sở tại chỗ thiếu được củng cố bổ sung. Địch ngày càng hoạt động ráo riết. Phong trào du kích trong căn cứ vì thế sa sút hẳn. Ở các xã Tân Dân, Chánh Bình, Cộng Hòa... du kích tập trung giao súng cho xã đội bộ, phân tán về nhờ sự cấp dưỡng của gia đình. Lương thực hoa màu chưa đến kỳ thu hoạch. Nạn thiếu ăn diễn ra từng ngày. Mỗi cán bộ chiến sĩ và nhân viên cơ quan mỗi ngày chỉ được 1 lon
gạo (l/4 ki-lô-gam) ăn độn với củ mì.

Giữa lúc chiến khu Đ đang gặp khó khăn nêu trên thì các văn kiện về Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ hai của Đảng (2-1951), nghị quyết Hội nghị lần thứ nhất Ban Chấp hành Trung ương khóa II (3-1951) vào đến Nam Bộ. Nghị quyết đại hội Đảng xác định đường lối chính trị, quân sự, kinh tế, văn hóa, đề ra những chủ trương lớn xây dựng lực lượng võ trang, xây dựng hậu phương, và động viên nhân tài vật lực phục vụ kháng chiến.

Về công tác xây dựng căn cứ địa. Đại hội coi đó là "một vấn đề chiến lược quan trọng ngang hàng với vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang, không thể tách rời vấn đề xây dựng lực lượng vũ trang. Vì không xây dựng căn cứ địa tức là không tích cực bồi dưỡng nguồn nhân lực, vật lực cần thiết cho việc xây dựng và phát triển quân đội”[(1)]. Các văn kiện đã đề ra nội dung cụ thể trong công tác xây dựng căn cứ địa một cách hệ thống, cơ bản và toàn diện cả về chính trị, quân sự, kinh tế. Báo cáo tại hội nghị lần thứ nhất Ban chấp hành Trung ương Đảng khóa II về công tác xây dựng và củng cố căn cứ địa chỉ rõ: về chính trị phải tổ chức tuyên truyền giáo dục nhân dân phòng trừ gian, củng cố chi bộ, củng cố mặt trận địa phương. Về quân sự phải kiện toàn giáo dục du kích xã, củng cố bộ đội địa phương và bộ đội chủ lực. Về kinh tế phải tăng cường công tác xây dựng cơ sở vật chất, cải tiến nông nghiệp, xây dựng cơ sở chăn nuôi, phát triển công nghệ, thực hiện phát triển mậu dịch.

Sự lãnh đạo của Trung ương Đảng qua các văn kiện trên đã tiếp thêm sinh khí mới cho cuộc kháng chiến ở Nam Bộ. Nó vạch ra những vấn đề cơ bản và cụ thể về đường lối cách mạng nói chung và nhiệm vụ xây dựng căn cứ địa nói riêng để tiếp tục đưa cuộc kháng chiến tiến tới.

Đầu tháng 9 năm 1951, tại Nhà Nai (Mỹ Lộc), hội nghị các bí thư chi bộ đại đội toàn Nam Bộ khai mạc. Hội nghị đã thảo luận và quyết nghị những vấn đề nhằm tăng cường sự lãnh đạo của Đảng trong quân đội, đặc biệt ở cấp đơn vị cơ sở. Kế đó, cũng tại Nhà Nai, Ban căn cứ địa Nam Bộ họp hội nghị mở rộng với ban căn cứ địa tỉnh

---

[(1)] Ban nghiên cứu lịch sử Đảng. Văn kiện toàn quốc đại biểu đại hội ban thứ hai của Đảng (2-1951).

Thủ Biên và huyện đội căn cứ. Hội nghị đã kiểm điểm công tác xây dựng căn cứ chiến khu Đ từ giữa năm 1951, đề ra các biện pháp nhằm giải tỏa căn cứ như đẩy mạnh các hoạt động tác chiến ngoài căn cứ, đánh thông các hành lang liên lạc vận chuyển; bảo đảm tự túc tối đa các nhu cầu về ăn, mặc, chữa bệnh và vũ khí đạn dược với khẩu hiệu "tự lực cánh sinh mọi mặt để đánh giặc".

Sau hội nghị Ban căn cứ địa, tháng 10 năm 1951, giặc Pháp lại càn vào chiến khu Đ. Chúng huy động nhiều tàu chiến tiến dọc sông Đồng Nai đánh từ dưới lên, bọc chặt mặt trước căn cứ. Tiểu đoàn 303 và đại đội bộ đội địa phương Đồng Nai đã dùng các loại súng SSA, SSB[(1)] bắn chặn địch. Kết quả, ta bắn hỏng 11 tàu, chặn được cuộc hành quân của chúng.

Để bảo đảm an ninh trong căn cứ, công tác phòng gian bảo mật được đẩy mạnh và thu được nhiều kết quả. Ty công an cử cán bộ về phối hợp với công an huyện căn cứ và các xã đội tổ chức đoàn thể các xã phát động quần chúng giữ gìn an ninh căn cứ, xây dựng ý thức bảo mật phòng gian, tổ chức các tổ ngũ gia liên bảo. Đặc biệt trong thời gian này, ngành quân báo và công an tỉnh Thủ Biên đã phá hàng loạt vụ án gián điệp của địch. Nhiều tên phòng nhì Pháp chui vào hàng ngũ của ta như tên Đường ở liên hiệp công đoàn tỉnh, tên Khôi ở phòng tham mưu tỉnh đội và vợ y là Điệp, tên Tòng ở văn phòng tỉnh đội, tên Kia ở ty kinh tài…

Một trong những vụ án nghiêm trọng nhất là vụ gián điệp Mai Văn Hao. Hao vốn là công chức của Pháp tại tòa hành chánh tỉnh Biên Hòa. Lợi dụng chỉ thị 4/NV của Ủy ban kháng chiến Hành chánh Nam Bộ, y vào căn cứ Bình Đa, được nhận vào công tác tại cơ quan huyện Vĩnh Cửu, sau đó được điều lên cơ quan tỉnh đóng tại chiến khu Đ. Y tỏ ra giác ngộ và hoạt động tích cực nên được tín nhiệm cử làm Phó Bí thư Tỉnh ủy đảng Dân chủ tỉnh Biên Hòa, rồi ủy viên ban Liên việt tỉnh Thủ Biên. Hao đã bí mật cung cấp cho địch nhiều tài liệu tin tức mật của ta, vẽ bản đồ khu vực căn cứ, chỉ điểm cho máy bay Pháp ném bom nhiều cơ quan, làm nhiều người chết và bị thương. Trong lần báo cho Pháp ném bom bắn phá vào khu vực tổ chức cuộc hội nghị cán bộ Thủ Biên lần thứ nhất[(2)], Hao bị ta theo dõi và bị bắt. Trước tòa, y buộc phải thú tội và lãnh án tử hình.

Ngoài ra, những cán bộ sa sút phẩm chất, anh hùng cá nhân, quân phiệt gây nhiều khó khăn và tổn thất cho kháng chiến như Kiều Đắc Thắng... đều bị xử lý kỷ luật thích đáng.

Tình hình an ninh trong căn cứ nhờ thế được củng cố một bước quan trọng, gây nên niềm phấn khởi tin tưởng trong cán bộ chiến sĩ và nhân dân.

Sang năm 1952, Bông-đi vẫn tiếp tục đẩy mạnh bình định, quyết tâm nắm phần chủ động trên khắp chiến trường, y đặc biệt ưu tiên tập trung lực lượng để đánh phá miền Đông Nam Bộ[(3)]. Tiểu đoàn 3 trung đoàn 43 bộ binh thuộc địa (III/43 e RIC) chuyên

---

(1) Loại súng bắn không giật do phòng quân giới Nam Bộ chế tạo dùng để bắn các loại đạn lên hay đạn xuyên phá, tiêu diệt các mục tiêu từ xa như tàu chiến, xe tăng, đồn bốt tháp canh.

(2) Họp trong 10 ngày tháng 9 năm 1951 tại suối Sâu, gồm 100 đại biểu và có đồng chí Lê Duẩn tham dự. Máy bay địch đến bắn phá dữ dội vào đúng lúc các đại biểu vừa ra về, lực lượng ta an toàn, chỉ bị hư hại nhà cửa, lán trại.

(3) Toàn Nam bộ lúc này có 25 tiểu đoàn (6 Âu Phi, 9 thuộc địa, 10 BVN) thì 17 tiểu đoàn được bố trí ở miền Đông với hầu hết lính Âu Phi và thuộc địa.

làm nhiệm vụ cơ động càn quét đánh phá chiến khu Đ với sự hỗ trợ tối đa của lực lượng không hải quân. Từ tháng 1 đến tháng 9, riêng tiểu đoàn này đã tổ chức 6 cuộc càn lớn vào chiến khu Đ ở cấp tiểu đoàn. Xung quanh chiến khu, chúng lấn chiếm mạnh các vùng tự do ở nam Tân Uyên, Đại An, Vĩnh Tân; càn quét mạnh để chiếm kỳ được các căn cứ du kích ở các xã Bình Chánh, Thái Hòa, lấn dũi sâu hơn nữa.
Các lực lượng vũ trang trên địa bàn chiến khu bố trí sắp xếp lại lực lượng để bảo đảm vừa đánh địch càn vào căn cứ vừa hoạt động ở vòng ngoài căng kéo địch. Tiểu đoàn 303 sang năm 1952 đã biên chế đủ quân số cho các đại đội. Đại đội 55 và đại đội 70 đóng ở chiến khu Đ làm lực lượng cơ động và bảo vệ căn cứ. Hai đại đội 60, 65 cùng với các phân đội trinh sát đặc công hoạt động trên địa bàn Bến Cát, Hớn Quản và các huyện kế cận. Đại đội bộ địa phương huyện căn cứ phân tán thành từng trung đội mỗi trung đội phụ trách một vùng trong chiến khu.

Hoạt động tác chiến đánh địch thu được kết quả khá ở trong và ngoài căn cứ Tiểu đoàn 303 tổ chức nhiều trận đánh thắng lợi như trận bót Cây Dâu diệt 1 trung đội địch thu 12 súng trường (tháng 2), trận đánh bọn tuần tiễu ở cầu Nước Vàng thu 9 súng (ngày 15 tháng 8). Các xã vùng du kích xung quanh căn cứ được sự hỗ trợ của các đội võ trang tuyên truyền đã bung ra dùng mìn, lựu đạn gài bao vây các bót và đường giao thông của địch, không cho chúng tự do hành quân càn quét, thu hút lực lượng địch ra ngoai chiến khu. Các bộ phận ở trong chiến khu tích cực chủ động chống càn và chống đột kích nhỏ. Tháng 4 tiểu đoàn 303 chặn đánh trận càn của địch ở Tân Long diệt 140 tên; phá hủy 1 xe thiết giáp.
Phong trào du kích chiến tranh dần dần phục hồi, chiến khu Đ trở nên an toàn hơn.

Cũng sang năm 1952, chiến khu Đ trở thành địa điểm tổ chức các đợt học tập huấn luyện khá rầm rộ. Đến tháng 9, riêng tỉnh Thủ Biên đã mở hơn 10 cuộc hội nghị và lớp học. Huyện căn cứ mở bốn lớp huấn luyện tân binh, du kích ấp và du kích cơ quan. Tiểu đoàn 303 được đoàn cán bộ của phân liên khu cử về giúp huấn luyện đã chia làm 3 đợt thay phiên luyện quân. Nội dung huấn luyện chủ yếu là 5 môn kỹ thuật chiến đấu cá nhân (ngũ đại kỹ thuật). Tháng 8 năm 1952, hội nghị quân huấn Thủ Biên tổ chức tại Bà Đã đã xác định phương hướng, nội dung phương châm công tác huấn luyện trong lực lượng võ trang nhằm đáp ứng thiết thực nhu cầu chiến trường. Hội nghị đã thảo luận học tập những kinh nghiệm về công đồn, chống càn, xây dựng cơ sở do các đơn vị điển hình của tiểu đoàn 303 và đại đội bộ địa phương huyện căn cứ báo cáo.

Mọi hoạt động về công tác hậu cần đều được củng cố một bước quan trọng về chất.

Các cơ sở quân giới của Phân liên khu được tổ chức lại giản chính các bộ phận cồng kềnh, trung gian, còn lại 1 công trường và 2 xưởng. Các xưởng công trường đi vào chuyên môn hóa sản xuất, khắc phục tình trạng nghiên cứu sản xuất các loại vũ khí cầu kỳ, tập trung sản xuất các loại vũ khí căn bản là chính, thiết thực phục vụ theo yêu cầu của cả 3 thứ quân. Công trường huyện căn cứ Đồng Nai chuyên sửa chữa các loại súng thông thường, làm lựu đạn gài, đạp lôi, nhồi đạn súng trường đáp ứng được

phần lớn yêu cầu chiến đấu bảo vệ căn cứ của đại đội bộ địa phương huyện và các đội du kích.

Sau khi nhận được các văn kiện Đại hội và các chính sách kinh tế tài chính từ chiến khu Việt Bắc gửi vào, Trung ương Cục miền Nam kiên quyết lãnh đạo việc đẩy mạnh tăng gia sản xuất, thi hành trong vùng tự do chính sách giảm tô giảm tức, tạm cấp ruộng đất chính sách mậu dịch hợp lý giữa vùng tự do và vùng tạm bị chiếm, chính sách thuế nông nghiệp.

Tại chiến khu Đ do đất nhiều người ít nên nông dân, các đơn vị, cơ quan được tự do khai thác đất canh tác theo quy hoạch chung của ban căn cứ. Chính sách bao vây kinh tế địch (thực hiện từ cuối năm 1949) được hủy bỏ. Chính sách mậu dịch hợp lý ban hành đã kích thích nông dân phấn khởi sản xuất, đem sản phẩm thừa về vùng tạm bị chiếm đổi những mặt hàng khan hiếm. Về tài chính, Ủy ban kháng chiến Hành chánh đình chỉ in giấy bạc Việc Nam vì địch dùng bạc giả gây rối loạn thị trường.
Vụ mùa cuối năm 1951 thu hoạch cao. Nhân dân và nhiều đơn vị, cơ quan có lương thực ăn, dự trữ trong năm 1952 từ 3 đến 9 tháng nên càng hăng hái sản xuất vụ tiếp theo. Tiểu đoàn 303 đại đội bộ đội địa phương huyện dành tổng cộng có đến 4 tháng để sản xuất trong 1 năm. Các cơ quan đều cử từ 1/3 đến 2/3 số người luân phiên đi sản xuất tại các nông trường.

Hệ thống quân dân y sáp nhập lại từ cấp xã lên đến tỉnh, Phân liên khu. Các cơ sở bào chế, quân y xã học tập áp dụng những kinh nghiệm y học tiên tiến trên thế giới, đồng thời thực hiện phương châm "địa phương hóa tây y, khoa học hóa đông y". Phong trào tận dụng tài nguyên rừng, sản xuất thế phẩm (thuốc nam bào chế thành thuốc viên hay thuốc ống, thuốc xoa theo hình thức tây) theo tinh thần hội nghị quân dân y miền Đông họp tại chiến khu Đ tháng 3 năm 1951 đã giải quyết được một phần lớn nhu cầu điều trị trong căn cứ, đặc biệt các loại thuốc chữa bệnh sốt rét, lỵ, ho, đau bao tử và thuốc bổ. Các cuốn sách "Tánh dược đông y", "Tủ thuốc nhân dân" hướng dẫn cách sử dụng các vị thuốc thông thường có sẵn trong căn cứ được ấn loát lưu hành rộng rãi và phải tái bản nhiều lần. Bộ đội, nhân dân khắp nơi tích cực sưu tầm gửi hàng ngàn toa thuốc gia truyền về ban Nghiên cứu Đông y Nam Bộ. Khẩu hiệu ngành y được mọi người nhiệt liệt hưởng ứng lúc này là "Dùng thuốc nam là yêu nước, là đấu tranh kinh tế với địch". Về tây y, các bác sĩ đã áp dụng có hiệu quả phương pháp cấy Fi-la-tốp trong điều trị, gây thêm niềm tin tưởng phấn khởi trong cán bộ, chiến sĩ nhân dân trong và ngoài chiến khu. Đặc biệt, có cả gia đình ngụy binh ở vùng tạm bị chiếm móc nối vào chiến khu xin được trị bịnh bằng phương pháp này. Bệnh tật được đẩy lùi một bước. Sức khỏe của cán bộ chiến si tăng dần lên.

Ngày 1 tháng 5 năm 1952, Bộ Tư lệnh Phân liên khu miền Đông chấp hành chỉ thị của Trung ương Cục ra quyết định thành lập tiểu đoàn vận tải 320 làm nhiệm vụ tiếp nhận hàng hóa của Trung ương do liên khu 5 chuyển giao[(1)] từ Bình Thuận vào chiến khu Đ để từ đó phân phối cho các đơn vị trên khắp chiến trường; giữ vững đường liên

---

[(1)] Tháng 4 năm 1952. Trung ương Đảng giao nhiệm vụ cho Liên khu 5 vận chuyển tiếp hàng hóa, tiền bạc, tài liệu của Trung ương vào Nam Bộ. Liên khu 5 đã tổ chức vận tải hàng trăm tấn hàng hóa vào các bến Cù My, La Di, La Gòn, Hàm Tân (tỉnh Bình Thuận) và một phần vào Xuyên Mộc (tỉnh Bà Chợ).